

**BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT  
VÀ TÁM MƯƠI VẺ ĐẸP CỦA PHẬT**

**\*三十二相\*八十種好  
TAM THẬP NHỊ TƯỚNG – BÁT THẬP CHỦNG HẢO**

*Khảo Dịch:* HT.Huyền-Tôn.

*考译:* 释玄宗 和尚

---o0o---

*Nguồn*

*<http://www.quangduc.com>*

*Chuyển sang ebook 16-8-2009*

*Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)*

*[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)*

Mục Lục

BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT CỦA PHẬT

- 1/32 - Túc Hạ An Bình Lập Tướng
- 2/32 - Thiên Phúc (Bức) Luân Tướng
- 3/32 - Trường Chi Tướng. Hay, Chi Tiêm Trường Tướng
- 4/32 - Mang Võng Tướng. Tướng mạng lưới mềm
- 5/32 - Thủ Túc Chi, Viên Mãn Tiêm Tướng
- 6/32 - Gót Chân Tròn Đầy, Tốt Thắng Hơn Cả Cõi Hữu Tình
- 7/32 - Mu Bàn Chân Nổi Cao Đầy Đặn, Mềm Mại Tương Xứng Với Gót
- 8/32 - Đùi Vế Thon Tròn, Chân Dài
- 9/32 - Đứng Thẳng Bàn Tay Úp Lên Đầu Gối
- 10/32 - Âm Tàng Tướng
- 11/32 - Lông Tươi Mướt Màu Xanh
- 12/32 - Thân Kim Sắc, Lông Tóc Xanh Biếc
- 13/32 - Da Mịn Không Dính Bụi
- 14/32 - Thân Sáng Chói Như Vàng Diêm-Phù-Đàn
- 15/32 - Bảy Chỗ Đều Đầy Đặn
- 16/32 - Kiên Đánh Thật Thù Diệu
- 17/32 - Xứ Long Mãn Tướng
- 18/32 - Dung Nghi Đoan Chánh.
- 19/32 - Thân Tướng Trang Nghiêm
- 20/32 - Thân Tướng Hảo Mãn Như Nặc-Câu-Đà
- 21/32 - Hàm Ưc Uy Dung Quảng Đại
- 22/32 - Thân Sáng Chói
- 23/32 - Bốn Mươi Răng Trong Trắng
- 24/32 - Răng Và Bốn Răng Cửa Đều Trong Suốt
- 25/32 - Cổ Có Mạch Hầu Biến Chất Ăn Thành Thượng Vị.

- 26/32 - Lưỡi Che Trùm Cả Mặt  
27/32 - Tiếng Nói Âm Vang Trong Suốt Như Tàn-Già Âm  
28/32 - Lông Mi Xanh Biếc, Dày Và Thẳng  
29/32 - Đôi Mắt Trong Xanh Ngời Sáng  
30/32 - Mặt Tròn Sáng Như Vàng Trăng Tròn  
31/32 - Tướng Bạch Ngọc Hào  
32/32 - Khuôn Trán Như Ô-Sắc-Nị-Ca
- KINH BÁT NHÃ NÓI VỀ 80 TÙY HÌNH HẢO**
- 1/80 : Tướng Móng Tay, Chân Màu Như Hoa Đồng Đỏ  
2/80 : Tướng Ngón Tay Chân Thon Dài Mềm Dịu  
3/80 : Tướng Tốt Ngón Tay Chân Tròn Đầy Kín Không Hở  
4/80 : Tướng Tay Chân Tươi Đẹp Như Hoa Sen  
5/80 : Tướng Gân Mạch Ẩn Kín  
6/80 : Tướng Mắt Cá Chân Không Nổi Cao  
7/80 : Tướng Bước Đi Ung Dung đều đặn  
8/80 : Tướng Chân Đi Cách Mặt Đất Bốn Tấc  
9/80 : Chân Bước Thong Dong, Khoảng Cách Bằng Nhau  
10/80 : Tướng Tùng Bước Chân Điềm Tĩnh Hòa Dịu  
11/80 : Tướng Đối Hướng Bước Đi đều Phía Phải  
12/80 : Tướng Các Lóng Đốt đều Tròn  
13/80 : Tướng Các Khớp Xương Kết Kít  
14/80 : Tướng Đầu Gối Tròn Chắc  
15/80 : Tướng Chỉ Vần Trong Đẹp  
16/80 : Tướng Tinh Sạch Trần Cấu Không Dính  
17/80 : Tướng Tôn Dung Đôn Túc  
18/80 : Tướng Tươi Mát Hoàn Hảo  
19/80 : Tướng An Định vững Trụ  
20/80 : Tướng Sáng Suốt Đoan Nghiêm  
21/80 : Tướng Hào Quang Thường Rực Rỡ Bao Quanh  
22/80 : Tướng Bụng Hiện Ngấn Vuông  
23/80 : Tướng Rún Tròn Trong Sáng  
24/80 : Tướng Rún Tròn Đẹp  
25/80 : Tướng Da Thịt Mịn Màng  
26/80 : Tướng Tay Chân Đầy Đặn Mềm Mại  
27/80 : Tướng Chỉ Vần Sáng  
28/80 : Tướng Môi Đỏ Như Sơn  
29/80 : Tướng Thê Lượng Cân Đối  
30/80 : Tướng Lưỡi Rộng Lớn  
31/80 : Tướng Tiếng Vang Cùng Khắp  
32/80 : Tướng Âm Vang Xa Thẳm  
33/80 : Tướng Sống Mũi Cao, Lỗ Nhỏ  
34/80 : Tướng Răng Bằng Trong Sáng  
35/80 : Tướng Răng Trong Thơm Sạch  
36/80 : Tướng Mắt Trong Xanh Sáng Rõ  
37/80 : Tướng Mắt Đẹp Như Hoa Sen  
38/80 : Tướng Lông Mi Dài Mịn

- 39/80 : Tướng Mày Dài Và Cong  
40/80 : Tướng Mày Biếc Tợ Lưu Ly  
41/80 : Tướng Đôi Mày Cong Tợ Trắng Non  
42/80 : Tướng Vành Tai Dài Rộng  
43/80 : Tướng Hai Trái Tai Rủ Như (Giọt Ngọc)  
44/80 : Tướng Tôn Duy Ái Kính  
45/80 : Tướng Vầng Trán Cao Quý  
46/80 : Tướng Oai Nghiêm Vô Đối  
47/80 : Tướng Tóc Xanh Biếc  
48/80 : Tướng Tóc Xoay Hướng Phải  
49/80 : Tướng Tóc Không Rối Không Dính Bụi  
50/80 : Tướng Tóc Không Rơi Rụng  
51/80 : Tướng Tóc Sáng Lóng Lánh  
52/80 : Tướng Thân Na-La-Diên  
53/80 : Tướng Thân Thẳng Cao Lớn  
54/80 : Tướng Các Khiếu Mạch Trong Sạch  
55/80 : Tướng, Các Tướng Đều Là Thù Thắng  
56/80 : Tướng Nhìn Không Nhàm Chán  
57/80 : Tướng Mặt Tợ Trăng Tròn  
58/80 : Tướng Dung Nhan Sáng Rỡ  
59/80 : Tướng Diện Mạo Tươi Vui  
60/80 : Tướng Mặt Da Trong Sạch Sáng Láng  
61/80 : Các Sợi Lông Đều Tỏa Hương Thơm  
62/80 : Tướng Diệu Hương Tỏa Thơm Từ Mặt  
63/80 : Tướng Đầu Tròn Đẹp  
64/80 : Tướng Màu Lông Xanh Biếc  
65/80 : Pháp Âm Thế Tôn Xa Gần Đều Rõ  
66/80 : Đánh Tướng Màu Nhiệm  
67/80 : Tướng Móng Tay Chân Như Màu Đồng Đỏ  
68/80 : Chân Tuy Cách Đất, Vẫn Hiện Ấn Văn  
69/80 : Tướng Tự Trì và Tự Liệu  
70/80 : Tướng Oai Đức Vô Lượng  
71/80 : Tiếng Nói Của Phật Làm Hòa Duyệt Tất Cả  
72/80 : Âm Ngữ Của Phật Đều An Lạc Tất Cả  
73/80 : Tùy Loại Chúng Sinh Nghe Pháp Đều Giải Thoát  
74/80 : Đức Tướng Thuyết Pháp Lời Lời Đều Toàn Thiện  
75/80 : Đức Tướng Bình Đẳng Yêu Thương Chúng Sinh  
76/80 : Tướng Phạm Hạnh Đầy Đủ  
77/80 : Chúng Sinh Không Thề Thấy Cùng Tận Được Tướng Tốt  
78/80 : Tướng Xương Trán Tròn, Tóc Xoắn Tròn  
79/80 : Màu Tóc Đẹp Như Ngọc Thanh Châu  
80/80 : Tay Chân Hồng Ngực Đều Đủ Đức Tướng Cát Tường
- DO NHÂN HẠNH GÌ MÀ CÓ CÁC TƯỚNG HẢO ?

**Phạn Ngũ** : Dvātrimsānmahā-purusa-laksanāni. Thuộc hệ Chuyển Luân Vương. Tuy nhiên, trong 32 tướng, Chuyển Luân Vương lại không có hai tướng ...Cát Tường Hải Vân (Vạn Đức. -Chữ Vạn ở trước ngực) và Nhục Kế (phóng quang đánh tướng) như Phật được.

**Ba Li Ngũ** : Dvattimsa mahā-purisa-lakkhanāni.

**Tướng tốt của Phật Thích Ca và chư Phật** là tướng tốt từ ở thân ứng hóa mà nói. Những tướng tốt về dung mạo thù thắng vì diệu này, nếu nói :

**Riêng về các Đại Bồ Tát cũng có đủ 32 tướng, như Chuyển Luân Vương, nhưng trong đó lại còn có 7 tướng thù thắng hơn Chuyển Luân Vương.** *Luận Trí Độ Q-381* nói : “ *Bồ Tát tướng giả, hữu thất sự thắng Chuyển Luân Thánh Vương Tướng, Nhất Tịnh Hảo, Nhị phân minh, Tam Bất thất Xứ, Tứ Cụ túc, Ngũ Thâm nhập, Lục Tùy trí tuệ hạnh bất tùy thế gian, Thất Tùy viễn ly chuyển luân thánh vương tướng* ”. **(Đẹp và thanh tịnh – Sáng suốt rõ ràng – Vĩnh viễn không mất bốn xứ – Tròn đầy – Vào chỗ tốt cùng – Theo trí tuệ độ sanh không bị thế gian lôi cuốn – Không dính mắc vào tướng của Chuyển luân).**

**Còn các danh tự khác để gọi 32 hảo tướng, như :**

-Tam thập nhị đại nhơn tướng

-Tam thập nhị đại trượng phu tướng

-Đaị nhơn tam thập nhị tướng

Và lược xưng là : *Đại Nhơn Tướng. –Tứ Bát Tướng. (lời gọi của Tàu 8x4) –Đại Sĩ Tướng. –Đại Trượng Phu Tướng .v.v... Tóm lại, gọi tắt là “Tướng Hảo”.*

**Tướng hảo, là Tướng Tốt ! Mà người diễn dịch làm cho xấu tệ đi. Thì sao gọi là “Tướng Hảo”? Tuy không hẳn là một lỗi lớn, nhưng liệu tránh sao khỏi “Tội ly kinh” còn cứ thẳng thừng “Voi, Nai, Ngỗng” thì không lẽ không bị tội “Y kinh” sao? Thực tế, là sẽ buồn lòng bao người con chí kính với đấng Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi! Cần thận, chín chắn đừng nói ma, đừng oan Phật. Vì lẽ đó, nay chúng ta đem trưng dẫn ra một ít**

***kinh điển để so sánh đỉnh kết cho nghiêm chỉnh về các Tướng Hảo của Phật. Và đó là y cứ cho bài khảo dịch này :***

A - Kinh Đại Bát Nhã S9/165/LT (y cứ).

B - Trường A Hàm Kinh Đại Bôn Duyên (tham khảo).

C - Đại Trí Độ Luận S.78 Q4,178/LT. & S.80 Q89 (y cứ).

D - Phật Quang Đại Từ Điển Hán Tự Q1/507-32. 268/80 (y cứ).

Đ - Phật Học Đại Từ Điển Hán Văn Q1/275 (tham khảo).

E - Từ Điển Phật Học Hán-Việt 127/80. 1127/32 (tham khảo).

G - Niết Bàn Kinh /28 (y cứ).

H - Trung A Hàm Tam Thập Nhị Tướng kinh PHĐTĐ (Đinh) 1/276.

(& tham khảo bản dịch Đại Tạng Việt Nam. Chỉ có 28 tướng !)

I – Phật Bản Hạnh Tập Kinh. (tham khảo) [Chỉ nói 77 tướng. Cho rằng chính kinh bản gốc thiếu 3 tướng]

K- Du Đà Sư Địa Luận. (tham khảo) gồm 100 quyển ĐT. Sách 80-81-82. (32 tướng và 80 hình hảo, Q49, trang 412-417) Thuộc đoạn : Bồ Tát Địa “Trì cứu cánh Du Gia Xứ Địa” phẩm.

*Qua 5 bộ Kinh Tạng và 3 Đại Từ Điển và 2 bộ luận nêu trên, để dịch về 32 Hảo Tướng và 80 Tùy Hình Hảo của Chư Phật và Bồ Tát để tạo nền tảng “**Quán Tướng**” Phật Tướng cho phần tu **Tán Thán** công đức Phật. Nên biết các “Tướng Tốt” mẫu nhiệm đó là do Phật đã trải qua vô lượng kiếp tu nhân hạnh “Lục Độ” mới cảm được cái quả thù thắng đó, cho thân tướng Ứng Hóa khi hiện thế độ sanh.*

***Có một điều tưởng cũng nên lưu tâm : Hơn 2600 năm về trước, các vị “Tướng Sư” trong dòng Bà-la-môn ở Ma-kiệt-đà thời đó, ngôn ngữ của họ, có lẽ dùng thí dụ hơn là mỹ từ để diễn tả những nét đẹp kỳ diệu ? Cho nên họ hay dùng hình ảnh vóc dáng một vài chúa của loài cầm thú để so sánh và miêu tả cái vẻ hùng vĩ, mềm mại của “Hảo Tướng” như ta đã thấy xen vào trong Tam Thập Nhị Tướng và Baùt Thập Chũng Hảo.***

*Về mặt dịch thuật tôi không dám bỏ [.....câu lấy thú tướng thay tướng người, hay chỉ là thí dụ], tôi sẽ dùng trọn Việt-ngữ. Nhưng xin đóng ngoặc những thú tướng đó lại (...) nhằm bảo tồn lời nói của các vị tướng sư thuở xa xưa trong kinh điển. Tôi cố tâm dùng các mỹ từ của tiếng Việt để mô tả; Dù biết những mỹ từ đó vị tất đã chuyên chở trọn vẹn ý nghĩa ! Vẫn hơn “đẹp như Đùi Nai chúa”! v.v...Mà đùi nai thì đẹp đâu có tròn! ?.*

*Cúi lạy hồng đức Tam Bảo xá tội ! Vì con nghĩ “Thú vẫn là thú ! Làm sao sánh đước Diệu Tướng của Đấng Chí Tôn”.*

*Về mặt sưu khảo để dịch thuật, tôi áp dụng “Ngũ Pháp” dịch thuật của Phật Giáo, tôi vẫn biết dù kỹ đến đâu cũng không tránh khỏi thiếu sót ! Mong sự chỉ giáo chung của các bậc trí tuệ đã tham thấu cao siêu huấn thị lại cho, hy vọng có ngày bổ túc được đầy đủ hơn.*

**Đoạn dưới đây thuộc Kim Cang Bộ : Đại Trí Độ Luận S78, trang 178.  
Lược đoạn mở đầu nói về 32 Hảo Tướng:**

**-Kinh văn :**

菩萨先已行了知是父是母。是父是母能长养我。我父母生身得阿耨多罗三藐三菩提。是净心念父母。相续入胎。是名正慧入母胎。是菩萨满十月新正慧不失念。出胎行七步。发口言。是我最后身。乃至将示相师。汝观我实有三十二大相人相不。若有三十二相具足者。是应笑有二法。若在家当为转轮圣王。若出家当成佛。诸相师言。地天太子实有三十二大相人相。若在家者当作转轮王。若出家者当成佛。王言。何等三十二相。

**相师答言。** .....

**-Lời kinh :** [Bồ Tát tiên dĩ liễu tri thị phụ thị mẫu, thị Phụ thị Mẫu năng trưởng dưỡng ngã thân. Ngã y phụ mẫu sanh thân đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, thị tịnh tâm niệm phụ mẫu. Tương tục nhập thai, thị danh Chánh Tuệ nhập mẫu thai, thị Bồ Tát mãn thập nguyệt Chánh Tuệ bất thất niệm. Xuất thai hành thất bộ, phát khẩu ngôn : Thị ngã mạng hậu thân. Nãi chí tương thị tướng sư. Nhữ quang ngã tử thật hữu tam-thập-nhị đại nhân tướng

phủ? Nhược huĩ tam thập nhị tướng cụ túc giả! Thị ung hữu nhị pháp : - Nhược tại gia, đương vi Chuyển Luân Thánh Vương! –Nhược xuất-gia đương thành Phật! Chư tướng-sư ngôn : “Địa thiên Thái Tử thật huĩ tam thập nhị đại nhân tướng. Nhược tại gia giả đương tác Chuyển Luân Vương! Nhược xuất gia giả đương thành Phật”.

Vương ngôn : Hà đẳng tam thập nhị tướng? Tướng sư đáp ngôn ]:

*-Nghĩa Kinh: [ .....Bồ Tát trước đã biết ai xứng làm cha ai xứng làm mẹ, là Cha hay là Mẹ phải có đủ khả năng trưởng dưỡng thân của Bồ Tát. Bồ Tát nương nơi cha mẹ thành thân mà được Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ Tát luôn tịnh tâm niệm ân Cha Mẹ ! Suốt luôn như vậy để vào thai, đó là Chánh Tuệ. Bồ Tát không hề “mất Chánh Tuệ” cho đến khi đủ mười tháng. Lúc đản sanh rồi, liền đi bảy bước và tuyên nói : Đây là thân sau cùng của ta... Cho đến khi ... ở trước mặt của các tướng sư, đức Vua hỏi họ, các ông xem con ta có đủ 32 Đại Nhân Tướng không? Nếu có, thì sẽ xảy ra hai điều –Tại gia làm Thánh Vương Chuyển Luân. –Xuất Gia sẽ thành Phật, có phải vậy không? Các vị tướng sư tâu : Bệ hạ, trong cõi bao la (đất trời) này Thái Tử Ngài quả có đủ ba mươi hai tướng của bậc đại-nhân. Nếu Thái Tử ở ngôi Ngài là bậc Chuyển Luân Thánh Vương, còn Ngài xuất-gia đi tu đương nhiên là bậc Đại-giác Đại-ngộ.*

*Đức Vua hỏi: Những tướng gì là 32 tướng?*

### **Thuộc Về Bộ Kinh Đại Bát Nhã :**

(Để khỏi nhầm các tên kinh, viết tắt : –Luận Đại Trí Độ, viết là [ĐTĐ]. – Trung A Hàm, viết là [TAH] . –Phật Học Từ Điển Hán Việt, viết là [PHTĐHV]. –Phật Quang Đại Từ Điển, viết là [PQĐTĐ]. Để So sánh và nhận biết các câu “Hảo Tướng” thuộc về kinh nào. Những câu -**Kinh Văn** : đương nhiên là của Bộ **Đại Bát Nhã**. Ngoài ra các câu tương đồng không đem vào). Chữ [ **td** : ] là thí dụ.

---o0o---

## **BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT CỦA PHẬT**

(Tam Thập Nhị Tướng)

## 1/32 - Túc Hạ An Bình Lập Tướng

(*Tướng an ổn và bằng phẳng ở bốn chân Phật*). Phạn : – supratisthita pàda

-Kinh văn :

尊足下有平薪满相。妙善安住犹如旻底。地虽高下随足所踏皆○  
悉

坦然无不等触。是为戴第一。 »

-Lời kinh : ...Thế Tôn túc hạ, hữu bình mãn tướng, diệu thiện an trụ, do như liêm đễ, địa tuy cao hạ, tùy túc sở hãm, giai tất thản nhiên, vô bất đẳng xúc. Thị vi đệ nhất ”.

-*Nghĩa Kinh* : Dưới bàn chân của Đức Thế Tôn, có tướng bằng phẳng đầy đặn, thật khéo an trụ, như cái hộp ấn, nó thản nhiên tùy theo chỗ cao thấp (nông cạn), chạm đến (đụng vào) đều tự cân bằng chính xác. Đó là tướng thứ nhất (không bị bề lạt hay trọ hệt vấp vấp).

-ĐTD :一者足下安平唤立相。足下一切着地间无晦所受。不容一针。

Nhứt giả, túc hạ an bình lập tướng, túc hạ nhứt thiết trước địa gian, vô sở thọ bất dung nhứt châm. [*Nghĩa: Một là, cái tướng được thành lập thật an bình ở dưới bàn chân, mỗi khi bàn chân (Phật) sắp giáp vào mặt đất, tất cả các vật bén nhọn đều tự vệt tránh khỏi bàn chân Phật*].

TAH : 1/ Bạc Đại Nhân có lòng bàn chân bằng phẳng.

---o0o---

## 2/32 - Thiên Phúc (Bức) Luân Tướng

(*Thiên Phúc Vông Cốc*). Còn gọi Nhị Luân Tướng. Dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm, rất tươi thắm. s-cakrāṅkita hasta-pāda tala. (P. *hettha pada-talesu cakkaniyatani*).

-Kinh văn: 世尊足下千辐轮U文辘轳众内相无不圆薏满是为第二。



**-Lời kinh** : Thế Tôn túc hạ “Thiên Phúc Luân” văn võng cốc chúng tướng vô bất viên mãn. Thị vi đệ nhị.

**-Nghĩa kinh** : Dưới mặt bằng hai chân của Thế Tôn, có hình bánh xe tròn ngàn cãm, tên là “Thiên Phúc Luân” Các đường văn ấy đều phân minh rõ ràng tròn trặn đầy đủ. Đó là thứ hai.

[**TĐHV**: 2/ Chỉ bàn chân có xoáy tròn như bánh xe có ngàn nan hoa].

[**PQĐTĐ**: Hai bánh xe, có ngàn bánh xe tròn, là tướng thối phục ác ma oán địch, chiếu phá ngu si của vô-minh. Gọi đúng là “Thủ túc luân tướng”. Lòng bàn chân có hiện tướng THIÊN PHÚC LUÂN của phật. Có hình hai bánh xe Chuyển Pháp Luân (ngàn cãm). Tướng vi diệu này, có khi không hiện ở hai bàn chân, thì lại hiện nơi hai bàn tay. Vì trải qua nhiều đời quá khứ Phật đã vì Cha, Mẹ, Thầy, Bạn và Tất cả chúng sanh bốn ba khắp chỗ khắp trong ba cõi, đã làm các việc bố thí, cúng dường, cứu độ ... nên biểu thị cái tướng Pháp Luân Ấn này.



**Thiên Phúc luân (tướng thứ hai)  
theo bộ Bát Nhã, có bánh xe ngàn cãm.**

**-T-A-Hàm** : 2/ Lại nữa, lòng bàn chân của Đại Nhân có hình bánh xe. Bánh xe có đầy đủ ngàn cãm.}

**-ĐTĐ** : 二者足下二轮U相千辐辋毂三事具足。

Nhị giả túc hạ nhị luân tướng thiên bức võng cốc tam sự cụ túc. [Dưới hai bàn chân có tướng bánh xe ba việc không thiếu : -a) Vòng tròn lớn. -b) - 1000 ngàn căm chông. -c) Trục tròn ở giữa. như mạng lưới đang nhau...]

---o0o---

### **3/32 - Trường Chỉ Tướng. Hay, Chỉ Tiêm Trường Tướng**

(Phạn-Ngữ : Dirghanguli). Tướng ngón tay dài.

-**Kinh văn**: ( bị mất ) ...过一切。是为华第三。

**Phạn** : mrđu-tarūna-hasta-padā-tala.

-**Lời kinh** : Thế Tôn thủ túc giai tất nhu nhuyễn. Như đồ (đâu)-la-miên, thẳng quá như thể. Thị vi đệ tam.

-**Nghĩa kinh** : Các ngón tay chân của Đức Thế Tôn thon dài mềm mại, dịu mềm hơn tất cả, như lụa đầu- la- miên. Đó là tướng tốt thứ ba.

-**ĐTD**: 三者长指相。指父纤长端直。次?第[月\*庸]好指节参?差?。

Trường chỉ tướng chỉ tiêm trường đoản trục thứ đệ dung hảo chỉ tiết sam sai. [Đầu ngón và các ngón tay chân của Thế Tôn tròn búp thứ lớp thật đẹp, ngón tay dài, lông đốt thẳng nhau].



*chỉ bàn tay ngón tay mềm mại. (hình ảnh này mượn ở tượng Phật hiện tại để tạm hình dung phần nào trong muôn một).*

---o0o---

#### **4/32 - Mang Võng Tướng. Tướng mạng lưới mềm**

**Phạn: S- jàlavanaddha-hasta pàda.**

**-Kinh văn :**

世尊手U足一一换指间。犹柑如雁王咸有鞞网。金色交络文心同绮画。  
是为第四。<sup>a</sup> [đồng nghĩa câu 5 của Trí Độ luận].

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ túc nhứt nhứt chỉ gian, do như nhận vương hàm hũ man võng, kim sắc giao lạc văn đồng ỷ hoạch. Thị vi đệ tứ.

**-Nghĩa kinh :** Mỗi mỗi khoảng (kẽ) ngón tay, chân của Thế Tôn có lớp da mỏng như màng lưới, mịn tợ như lụa đầu-la-miên của trời Đế Thích, có nét vẻ màu vàng kim. Đó tốt thứ tư. (khi xếp tay lại thì tựa như biến mất, không thấy nếp nhăn của man-võng <Thí dụ : nhận vương ( nhận chúa) man võng túc>.

{**Trung A Hàm :** Câu số 8/ Lại nữa, chân tay đại-nhân có màng lưới (giống như của chim nhận chúa). Đó là tướng của bậc đại-nhân}

**-ĐTD:** 四者足跟?广平相.

Tứ giả, túc ngận quảng bình tướng. [Gót chân bằng và rộng].

---o0o---

#### **5/32 - Thủ Túc Chỉ, Viên Mãn Tiêm Tướng**

**Các ngón tay chân (tròn búp) thon dầy.**

**(Phạn : jàlavanaddha-hasta-pàda).**

**-Kinh** **văn** :  
世尊手足所有诸y。圆胁满纤长甚可爱乐U。是为第五7875?。

**-Lời kinh** : Thế Tôn thủ túc sở hữu chư chi, viên mãn tiêm trường thậm khả ái lạc (nhạo). Thị vi đệ ngũ.

**-Nghĩa kinh** : Các ngón tay và ngón chân của Đấng Thế Tôn, tròn mịn, bum búp, thon dài và đầy đặn càng nhìn càng ưa mến. Đó là thứ năm.

**-ĐTĐ**  
五7875?者手足指缦网相。如雁王张指父则i喜张则i徊现籙。

Thủ túc chỉ mang võng tướng, như nhận vương trương chỉ tác hiện, bất trương tác bất hiện. [Tướng mạng lưới ở giữa kẽ tay chân, có sè tay thì mới có, không sè tay thì không có hiện ra].

---o0o---

### **6/32 - Gót Chân Tròn Đầy, Tốt Thắng Hơn Cả Cõi Hữu Tình**

**-Kinh-văn** :  
世尊足跟广长圆满。与捺趺相称?胜余有嘈情。是为第六。<sup>a</sup>

**-Lời kinh** : Thế Tôn túc ngận quảng trường viên mãn, dữ phu tướng xung thắng dư hữu tình. Thị vi đệ lục.

**-Nghĩa kinh** : Gót chân của Thế Tôn, dài rộng tròn đầy. Tướng vun tròn của mu bàn chân thật đặt biệt hơn tất cả chúng trong cõi hữu tình.

**-ĐTĐ** : 六者手足柔软相。

Thủ túc nhu nhuyễn tướng [Tướng mềm mại dịu dàng của chân tay].

---o0o---

### **7/32 - Mu Bàn Chân Nổi Cao Đầy Đặn, Mềm Mại Tương Xứng Với Gót**

**-Kinh văn** : 世尊足趺修高充满。柔软妙?好与跟相称?。是为第七。

- **Lời kinh** : Thế Tôn túc phu tu cao sung mãn, nhu nhuyễn diệu hảo dữ ngân tương xứng. Thị vi đệ thất.

-**Nghĩa kinh** : Mu bàn chân của Đức Thế Tôn nổi cao đầy đặn mềm mại cùng với gót chân tương xứng nhau thật là kỳ diệu. Đó là tướng tốt thứ bảy.

- **ĐTD**:

七者足趺高满相。以○嗅踏地不广不狭。足下色如赤莲华。足指憍间网及足边色如真?珊瑚。指爪如净赤铜。足趺上真?金色。足趺上毛青毗琉璃色。其足严好。譬泊如杂?宝履种?U?U?U庄饰?。

Thất giả, túc phu cao mãn tướng, dĩ túc hãm địa bất quảng bất hiệp, túc hạ sắc như xích liên hoa. Túc chỉ gian võng cập túc biên sắc như chơn san hô. Chỉ trảo như tịnh xích đồng. Túc phu thượng chơn kim sắc, túc phu thượng mao thanh tỳ lưu lý sắc. Kỳ túc nghiêm hảo lý chủng chủng trang sức. [*Tướng mu bàn chân cao đầy, khi chân bước giáp đất dẫu không rộng không hẹp, màu sắc dưới chân như hoa sen đỏ, lưới dưới kẽ chân màu sắc như san hô, móng chân trong sáng như đồng đỏ. Màu sắc trên mu bàn chân in như vàng ròng, màu của lông trong xanh như lưu lý. Cực kỳ xinh đẹp như xen nhiều các bảo vật để chung vào trang sức*].

---o0o---

### 8/32 - Đùi Vế Thon Tròn, Chân Dài

-**Kinh văn** : 世尊双腓渐次?纤圆。如暨泥邪仙鹿王腓。是为勃第八。

-**Lời kinh** : Thế Tôn song chuyên tiệm thứ tiêm viên, như lịch-nê-tà-tiên lộc vương chuyên. Thị vi đệ bát.

-**Nghĩa kinh** : Hai đùi vế của Thế Tôn tròn trĩnh thon đẹp (như đùi của lộc vương lịch- nê- tà- tiên). {腓膊 chuyên, thuần : cùng một nghĩa}. Đó là thứ tám.

-**ĐTD**: 八者伊泥延胃膊相。如伊泥延胃鹿膊随?次?[月庸鹿]纤。

Bát giả, y-nê-diên thuần tướng, như y-nê-diên lộc thuần tùy thứ dung tiêm. [Tám là, tướng đùi vàng óng ánh, giống như của y-nê-diên]. {Y-nê-diên Phạn : Aineyajagha} tên của lộc vương. Thử vân, kim-Sắc nghĩa là vàng óng ánh].

---o0o---

### 9/32 - Đứng Thẳng Bàn Tay Úp Lên Đầu Gối

**-Kinh văn :** 世尊双臂修直庸急圆如象曠王,鼻平立摩膝。是为姜第九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn, song tý tu trực dung viên như tượng vương, tỷ bình lập ma tất. Thị vi đệ cửu.

**-Nghĩa kinh :** Hai cánh tay của Thế Tôn thẳng dài tròn đầy, đứng đưa tay duỗi xuống bàn tay bằng ngang và thoa lên đầu gối. Đó là tướng tốt thứ chín.

**-TAH :** Chân tay Đại-nhân rất đẹp, mềm mại, xòe ra như hoa dâu-la. Đó là tướng của bậc đại nhân.

**-ĐTD :** 正平立摩膝相不俯不仰結以○ĩ漳膝.

Chánh bình lập ma tất, bát phủ bát ngưỡng dĩ chương ma tất. [Tướng đứng thẳng không cúi không ngược tay rờ (úp) đầu gối].

---o0o---

### 10/32 - Âm Tàng Tướng

**Phạn :** Kosópagata. (Nam căn ẩn kín)

**-Kinh văn :**

世尊阴相势?峰藏密。其犹涮龙马亦如象鄆王。是为第十。<sup>a</sup>

**-Lời kinh :** Thế Tôn âm tướng thế phong tàng mật. Kỳ do long mã diệc như tượng vương. Thị vi đệ thập.

**-Nghĩa kinh :** Âm tàng tướng của Thế Tôn ẩn kín (tợ như Long chúa Tượng Mã). Đó là tướng tốt thứ mười.

**-ĐTĐ:**

十者阴藏相。譬酖如调善?象i宝马宝。问曰驶。若o菩萨得阿耨đ卸罗三藐三菩嘈提。时诸y弟子l何?因i见阴藏相。答曰寔。为度众[] 人决u众疑谏故示现如是

Thập giả, âm tàng tướng, thí như điều thiện tượng bảo mã bảo, vấn viết : Nhược Bồ-tát đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, thời chư đệ tử hà nhân duyên kiến âm tàng tướng. Đáp viết : Vì độ chúng nhơn quyết chúng nghi, cố thị hiện như thị. [Bồ tát thành Chánh Giác rồi, vì duyên gì mà để cho mọi người thấy được âm tàng tướng ? –Đáp : Vì độ cho mọi người giải các nghi ngờ nên hóa hiện tướng rồng báu, voi báu, ngựa quý để tỏ rằng âm tàng cũng như vậy đó].

---o0o---

### **11/32 - Lòng Tươi Mướt Màu Xanh**

**-Kinh văn :** 世尊毛孔各一毛生。柔润麓紺青右i旋宛转。是第十一。 》

**-Lời kinh :** Thế Tôn mao không các nhứt mao sanh, nhu nhuận khám thanh, hữu truyền uyển chuyển. Thị đệ thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** *Mỗi lỗ chân lông mọc một lông trên thân Thế Tôn, tươi nhuận mềm mại với một màu xanh mượt đều xếp về phía bên phải. Đó là tướng tốt thứ mười một.*

**-TAH :** (11) Mỗi chân lông, chỉ sanh một sợi lông. Lông màu xanh lóng lánh như màu của ốc cù, lông xoay tròn về hướng phải.

**-ĐTĐ:**

十一者身广长等相。如尼拘卢陀筹树。菩萨身齐须为中[] 四边量等。

Thập nhứt giả thân quảng trường đẳng tướng, như ni-câu-lô-đà thọ. Bồ Tát thân tê vi trung tứ biên lượng đẳng. [ Thân của Bồ Tát chiều cao và chiều ngang dang

tay bằng nhau, như cây ni-câu-lô-đà. Lấy rún làm chuẩn bốn chi đo cân nhau]. (Phạn : Nyagrodha. Dịch là vô-tiết. Cây cao lớn, che rộng, không có

lóng đốt, lá gần giống như liễu, dáng đẹp, tàng rộng tươi mát, sống lâu, còn gọi là cây dung. Ficus Indica (nặc-cù-đà)...).

---o0o---

### 12/32 - Thân Kim Sắc, Lông Tóc Xanh Biếc

-Kinh văn :

世尊发毛端皆O上靡?。右᠊旋宛转柔润i紺青。严金色身甚可爱乐U。  
是第十二。

-Lời kinh : Thế Tôn phát mao đoạn giai thượng mị, hữu truyền uyển chuyên nhu nhuận khảm thanh, nghiêm kim sắc thân thậm khả ái nhạo. Thị vi thập nhị.

-Nghĩa kinh : Các đầu lông, tóc của Thế Tôn đều mềm mịn, màu xanh biếc như lưu ly xanh và cùng hướng lên xoay về bên phải, toàn thân màu vàng ròng, ngắm nhìn rất ưa thích. Đó là thứ mười hai.

-ĐTD: 十二者毛上向?相。身有诸᠎忻生。皆斲上向?而稚。É

Thập nhị giả mao thượng hướng tướng. Thân hữu chư mao sanh, giai hướng thượng nhị mị. [Các lông trong thân đều hương lên, mịn màng không rối].

---o0o---

### 13/32 - Da Mịn Không Dính Bụi

-Kinh văn : 世尊身皮细薄润滑。尘垢水等皆O所不住。是第十三。

-Lời kinh : Thế Tôn thân bì tế bạc nhuận hoạt, Trần cấu thủy đẳng giai sở bất trú. Thị vi thập tam.

-Nghĩa kinh : Làn da trên thân thể của Thế Tôn, mịn màng tươi nhuận, các chất nước bẩn, bụi bặm đều không thể đọng dính trên da. Đó là tướng mười ba.

-ĐTD: 十三者一一换孔一毛生相。毛不乱?青琉璃色。毛右᠋蒙向?



-Thập tam giả, nhứt nhứt khổng nhứt mao sanh tướng, mao bất loạn thanh lưu ly sắc, mao hữu phi thượng hướng. [Tướng mỗi chân lông chỉ sanh một lông, lông không rối, màu sắc của lông xanh suốt như màu xanh của lưu ly, các lông đều hướng lên và xoay về cùng chiều tay mặt].

---o0o---

### 14/32 - Thân Sáng Chói Như Vàng Diêm-Phù-Đàn

**-Kinh văn :**

世尊身皮皆真金色。光洁晃曜如妙金台。众宝庄严众譚所乐见。  
。是第十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân bì giai chơn kim sắc, quang cát hoàn diệu như diệu kim đài. Chúng sở trang nghiêm, chúng sở nhạo kiến. Thị đệ thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Trên làn da toàn thân của Thế Tôn màu vàng rờn lông lánh sáng rõ trông đẹp như đài vàng diệu kim, các báu nhóm lại để trang nghiêm, các chúng trong cõi nhân thiên đều ưa thích nhìn ngắm và sinh tâm an lạc. Đó là tướng tốt thứ mười bốn.

**-ĐTD:**

十四者金色相。问曰驶何等金色。答曰。若料铁在金边则不现。今佛在时金比佛在时金则不现。佛在时金比阎浮那金则不现。阎浮那金比大海中转轮圣王道中金沙则不现。金沙比金山则不现。金山比须弥山则不现。须弥山金比三十三诸天璎珞金则不现。三十三诸天璎珞金比焰摩天金则不现。焰摩天金比兜率陀天金则不现。兜率陀天金比化自在天金则不现。化自在天金比他化自在天金则不现。他化自在天金比普贤菩萨身色则不现。如是色是名金色相。

[Kim sắc tướng phải so sánh như thế nào ? Luận đáp rằng : Nếu đem sắt để so sánh với vàng thì màu của sắt sẽ không hiện rõ. Nay đem vàng cõi thế để so sánh với màu vàng “Kim tướng” của Phật thì màu vàng cõi thế không tỏ hiện. Và cứ như thế so sánh vàng của Diêm-phù-na, vàng trong biển lớn của

vua Chuyển Luân, vàng của núi Tu Di, vàng anh lạc của cõi trời 33, vàng của Diệm-ma thiên, vàng của Đâu-suất-đà thiên, vàng của Tha-hóa-tự-tại thiên tất cả các vàng vô lượng quý giá sáng chói đó; đều không sánh với màu vàng của thân Bồ Tát ! Như vậy đó, là màu vàng của “Kim-sắc” tướng].

---o0o---

### 15/32 - Bảy Chỗ Đều Đầy Đặn

**-Kinh văn :**

世尊两足二手U掌?中颈及双肩七羞处充满。是第十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn lưỡng túc, nhị thủ chưởng trung kinh cập song kiên, thất xứ sung mãn. Thị vi thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Hai chân, hai bàn tay, cổ và đôi vai của Phật, bảy chỗ này đều đầy đặn. Là thứ mười lăm.

**-ĐTD:**

十五7875?者丈光相。四边皆O有一谢丈光。佛在是光中谛端严第一。

如诸<sub>y</sub>惶诸<sub>y</sub>焯宝光明净。ō

Thập ngũ giả, trượng quang tướng, tứ biên giai hữu nhứt trượng quang. Phật tại thị quang trung đoan nghiêm đệ nhứt, như chư thiên chư vương bảo quang minh tịnh. [Tướng quang sáng suốt của Thế Tôn, vàng sáng bao quanh rộng xa hơn trượng. Phật trong ánh quang chói sáng đó thật là đệ nhất trang nghiêm đoan chính. Hơn hẳn hào quang quý báu của các vua ở các cõi trời].

---o0o---

### 16/32 - Kiên Đánh Thật Thù Diệt

**-Kinh văn :** 世尊肩项?圆满殊譬2妙?。是第十六。

**-Lời kinh :** Thế Tôn kiên đánh viên mãn thù diệt. Thị đệ thập lục.

**- Nghĩa kinh :** Trán và vai của Thế Tôn tròn đầy thật là đặc thù mẫu nhiệm. Đó là thứ mười sáu.

**-ĐTĐ:**

十六者细薄皮相。尘土不着身。如莲华叶ぞ不受尘水。若○菩萨在汹干土山中经行。土不着足。随?蓝风来吹破I土山。令?散为尘乃至□ 一尘不着佛身。»

Thập lục giả, tế bạt bì tướng ôn thổ bất trước thân, như liên hoa hiệp bất thọ ôn thủy. Nhược Bồ Tát tại can thổ sơn trung kinh hành, thổ bất trước túc. Tùy lam phong suy phá thổ sơn, linh tán vi ôn, nãi chí nhưt ôn, bất trước Phật thân. [ Tướng da của Thế Tôn mịn mỏng nhỏ rức, bụi bặm đất cát không thể bám dính vào thân. Như Hoa Sen, những thứ nước lầy bùn không hề làm nhớp được hoa sen vậy.

---o0o---

### **17/32 - Xứ Long Mãn Tướng**

**-Kinh văn :**世尊髀m腋悉皆窾充实。是第十七。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn bát dịch giai tất sung thật. Thị đệ thập thất.

**-Nghĩa kinh :** *Chỗ hũng nách của Thế Tôn thật khác thường, vì rất đầy. Đó là thứ mười bảy.*

**-ĐTĐ:**

七处隆满相。两手遘两足两肩项?中七羞处。皆○隆满端正色净胜余身体à

Thập thất giả, xứ long mãn tướng, lưỡng thủ, lưỡng túc, lưỡng kiên, đánh trung thất xứ giai long mãn đoan chánh sắc tịnh thắng dư thân thể. [ Mười bảy, gọi là Xứ Long Mãn tướng, hai tay, hai chân, hai vai và trán, bảy chỗ đó đều tươi tốt, đoan chính vun đầy, màu sắc thanh sạch hơn cả các cõi nơn thiên.

---o0o---

### **18/32 - Dung Nghi Đoan Chánh.**

**-Kinh văn :** 世尊容仪圆遣满端直。是第十八。±

**-Lời kinh :** Thế Tôn dung nghi viên mãn trực đoan. Thị vi thập bát.

**-Nghĩa kinh:** Dung nhan và nghi cách của Thế Tôn, đoan chính viên mãn. Đó là mười tám.

**-ĐTĐ:** 十八者两腋下隆满相。不高不深?。

Thập bát giả, lưỡng dịch hạ long mãn tướng. Bất cao bất thâm. [Mười tám là, hai nách của Thế Tôn đầy đặn xinh đẹp không vun cao cũng không trũng sâu].

---o0o---

### 19/32 - Thân Tướng Trang Nghiêm

**-Kinh văn :** 世尊身相修广端严。是第十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân tướng tu quảng trang nghiêm. Thị vi thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** Thân tướng của Thế Tôn to lớn nghiêm chỉnh và ngay thẳng và thật cân đối. Đó là mười chín.

**-ĐTĐ :** 十九者上身如师子相。

Thập cửu giả, thượng thân như sư tử tướng.

[Phần giữa cơ thể trở lên, trông vóc dáng oai phong vô cùng uy dũng. (như sư tử vương)].

---o0o---

### 20/32 - Thân Tướng Hảo Mãn Như Nặc-Câu-Đà

**-Kinh văn :** 世尊体相纵广量等。周匝苾圆满如诺瞿材陀。是第二十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thể tướng túng quảng lượng đẳng, châu tráp viên mãn như nặc-cù-đà. Thị đệ nhị thập.

**-Nghĩa kinh** : Dung mạo và thể tướng của Thế Tôn, các bề cao rộng, tỷ lệ thật cân đối, toàn chu vi thể lượng tròn đầy hảo mãn tựa như cây liễu. (Nặc-cù-đà loại cây mềm cao to, tàn cây rộng mát Nyagrodha. Chỉ có ở Ấn mới có. Còn có tên ni-câu-đà v.v.). Đó là hai mươi.

**-ĐTD:**二十者大i直身相。于壁一切人中恍身最?大i而直±

Nhị thập giả, đại trực thân tướng, vu nhất thể nhân trung tối đại nhị trực. [Thứ hai mươi là, một thân tướng cao thẳng to lớn. Có thể nói đối với nhân loại là một thân tướng cao lớn bậc nhất vậy.]

---o0o---

### 21/32 - Hàm Ưc Uy Dung Quảng Đại

**-Kinh văn** : 世尊颌臆亦并身上半。威容广大i如师子i王。是二十一。 »

**-Lời kinh** : Thế Tôn hàm ức tịnh thân thượng bán, uy dung quảng đại như sư tử vương. Thị nhị thập nhưt.

**-Nghĩa kinh** : Phần thân trên của Thế Tôn từ ngực đến cằm, vóc dáng nở rộng, dung nghi uy dũng (như sư tử vương). Là hai mươi một.

**-ĐTD:**二十一者肩圆徊好相。一切治᳚患无甞如是者。

Nhị thập nhưt giả, kiên viên hảo tướng. Nhưt thiết trị kiên vô như thị giả. [Tướng hai mươi một là, tướng vai tròn của Phật, không thể tìm thấy bất cứ ở đâu ngoài báo thân Phật].

---o0o---

### 22/32 - Thân Sáng Chói

**-Kinh văn** : 世尊常光面?各一寻。是二十二。 »

**-Lời kinh** : Thế Tôn thường quang diện các nhưt tầm. Thị nhị thập nhị.

**-Nghĩa kinh** : Vàng ánh sáng chung quanh đầu mặt của Thế Tôn, thường sáng là một tầm. (một trượng). Là tướng hai mươi hai.

**-ĐTĐ:**

二十二者四十齿相。不多不少余人三十二齿。身三百余噜骨。头骨有九。菩行萨四十齿。头有一谢骨。菩萨齿骨多头骨少。余朽人齿骨少头骨多。以○是故异于熠余人身。à

Nhị thập nhị giả, tứ thập xỉ tướng. Bất đa bất thiểu, dư nhơn tam thập nhị xỉ. Thân tam bách dư cốt. Đầu cốt hữu cửu. Bồ Tát tứ thập xỉ, đầu hữu nhứt cốt. Bồ Tát xỉ cốt đa đầu cốt thiểu. Dư nhơn xỉ cốt thiểu đầu cốt đa. Như thị cố dị vu dư nhơn thân. [ *Tướng hai mươi bốn là, nói về răng, Thế Tôn có 40 cái răng, không nhiều và cũng không ít đối với con người. Con người có 32 cái răng, xương hơn 300, 9 xương đầu. Bồ Tát răng 40, xương đầu chỉ có 1. Bồ Tát xương răng nhiều, xương đầu ít. Còn con người thì xương răng ít xương đầu nhiều. Do vậy nên nói Bồ Tát khác với thường nhân.*]

---o0o---

### **23/32 - Bốn Mười Răng Trong Trắng**

**-Kinh văn :** 世尊齿相四十齐平𦉰。净密根深?白逾珂?雪。是二十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn xỉ tướng, tứ thập tề bình, tịnh mật căn thâm, bạch du kha tuyết. Thị nhị thập tam.

**-Nghĩa kinh:** Hàm răng của Đức Thế Tôn đủ 40 cái, bằng đều không so le, sát kín nhau, chân sâu và trong trắng như ngọc “Kha Tuyết”. Đó là hai mươi ba.

**-ĐTĐ:**

二十三者齿齐相。诸𦉰𦉰等无蕘粗U无细不出走不入。齿密相人不知者谓𦉰为一𦉰 齿。齿间不容一毫。»

Nhị thập tam giả, “Xỉ Tề” tướng. Chư xỉ đẳng vô thô vô tế bất xuất bất nhập, xỉ mật tướng, nhơn bất tri giả vị vi nhứt xỉ, xỉ gian bất dung nhứt hào. [ *Hai mươi ba là tướng “Tề Xỉ”, các răng bằng như nhau, không lớn không nhỏ, không de ra, không xéo vào. Kín nhiệm người khó phân biệt, tướng chừng như một khối. Dù một xơ nhỏ cũng không mắc kẹt vào kẽ răng được.*]

---o0o---

## 24/32 - Răng Và Bốn Răng Cửa Đều Trong Suốt

**-Kinh văn :** 世尊四牙鲜白锋?利。是二十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tứ nha tiền bạch phong lợi. Thị nhị thập tứ.

**-Nghĩa kinh:** Bốn răng cửa của Thế Tôn, trắng tươi và bén nhọn. Là hai mươi bốn.

**-ĐTD:** 二十四者牙白相。乃至胜雪山王光。Á

Nhị thập tứ giả, “Nha Bạch” tướng. [Hai mươi bốn là tướng “Nha Bạch”. Tướng “Nha Bạch” của Thế Tôn trong sáng lóng lánh hơn cả “Tuyết Sơn” vương].

---o0o---

## 25/32 - Cổ Có Mạch Hầu Biến Chất Ăn Thành Thượng Vị.

**-Kinh văn :**

世尊常得味中缀上味。喉脉被直故能引饼身中诸<sub>y</sub>节脉袂所有上味卸。风热痰病不能为杂<sub>il</sub> 由<sub>l</sub>彼不杂<sub>il</sub><sub>ur</sub>吕沉浮延隔缩坏损痛曲等过。能正吞咽津?液通流故。身心适悦好常得上味。是二十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thường đắc vị trung thượng vị, hầu mạch trực cố năng dẫn thân trung chư chi tiết mạch, sở hữu thượng vị phong nhiệt đàm bệnh, bất năng vi nhiễm, do bị bất nhiễm mạch ly trầm phù, diên xúc hoại tôn thống khúc đẳng quá. Năng chánh thôn yết tân dịch thông lưu cố. Thân tâm hoạt duyệt thường đắc thượng vị. Thị nhị thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Tất cả hương vị khi đến với Thế Tôn đều trở thành “Thượng Vị”. Sở dĩ có như vậy, vì ngay nơi hầu mạch (mạch tại cổ) có công năng dẫn thẳng đến các mạch chi tiết của toàn thân. Các bệnh đàm ẩm phong nhiệt, đều bị vô hiệu với cơ thể của Thế Tôn. Cơ thể miễn nhiễm tuyệt vời đó làm tiêu hoại tất cả sự xâm tổn đến các mạch, nổi chìm co giãn trong thân của Ngài. Đó là hai lăm.

**-ĐTĐ:**

二十六者味中綴得上味相。有綴人言○。佛以○食着口中。是一谢切食皆○作最?上味。何?以○故。是一切食中恍有最?上味因ᵢ豆。无兽是相人不能发其因ᵢ。不得最?上味。复有綴人言○。若○菩萨举食着口中行。是时咽喉边两处。流注甘露和合诸ᵧᵧ。是味清净故。名味抖中得上味卸。

Nhị thập lục giả, vị trung đặc thượng vị tướng. Hữu nhơn ngôn, Phật dĩ thực trước trung khẩu, thị nhưt thể thực giai tác tối thượng vị. Hà dĩ cố? Thị nhưt thiết thực trung, hữu tối thượng vị nhân cố. Vô thị tướng nhơn bất năng phát kỳ nhơn cố, bất đặc tối thượng vị. Phục hữu nhơn ngôn, nhưc Bồ Tát cũ thực trước khẩu trung, thị thời yết hầu biên lưỡng xứ, lưu chú cam lồ hòa hợp chư vị, thị vị thanh tịnh cố, danh vị trung đặc thượng vị. [TDL số 26 nói: Đòu là cái tướng được “Thượng Vị” trong các vị. Các món ăn đến miệng Phật thì món ăn đều biến thành thượng vị. Có sao vậy? Bởi vì chất thượng vị hằng có trong thực vị, nhưng người không có tướng “Thượng Vị” không thể phát tiết ra được cái nhân tố tối thượng vị này. Còn một ý nói khác là Bồ Tát khi đưa món ăn đến miệng thì dòng mạch ngoài hai bên yết hầu, chảy ra chất “Cam Lồ” hòa hợp với thực vị, khiến cho vị đó liền trong sạch thơm tho, để trọn nên “Thượng Vị”].

---o0o---

### **26/32 - Lưỡi Che Trùm Cả Mặt**

**-Kinh văn :** 世尊舌相薄净广长。能覆面?轮U至耳发际。是二十六。Á

**-Lời kinh :** Thể Tôn thiết tướng bạt tịnh quảng trường, năng phủ diện luân chí nhĩ phát tế. Thị nhị thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Tướng lưỡi của Thế Tôn, trong sạch dài rộng và mỏng, công năng của lưỡi có thể che trùm cả mặt cho đến mé tóc trán và đến mang tai. Đó là hai sáu.

---o0o---



## 27/32 - Tiếng Nói Âm Vang Trong Suốt Như Tần-Già Âm

-Kinh văn :

世尊梵音○词韵弘7863?雅。随?众多少无谿不等闻。其配声洪7855?  
震犹如天鼓。发言蘋婉d约如频嫉迦音○。是二十七。β

-Lời kinh : Thế Tôn phạm âm từ vận hoàng nhã, tùy chúng đa thiếu vô bất đẳng văn. Kỳ thanh hồng chấn du như thiên cổ, phát ngôn uyển ước như tần-ca âm. Thị nhị thập thất.

-Nghĩa kinh : Phạm âm từ vận giọng nói của Thế Tôn, lan rộng hòa nhã dịu dàng, bất luận thỉnh chúng nhiều ít, xa gần độ nghe được, đều bình đẳng giống nhau. Chấn âm của giọng như tiếng trống trời, điệu uyển chuyển của thanh âm mềm như “Tần-già thỉnh” (giống chim nói pháp cõi Tịnh Độ). Là hai mươi bảy.

-ĐTD:

二十七者大遯舌相。是菩萨大衞舌从I口中出袂覆一切面?分U。乃至发际。若美还入口口亦不满。à

Nhị thập thất giả, “Đại Thiệt” tướng thị Bồ Tát đại thiệt tùng khẩu trung xuất phú như thể diện phần, nãi chí phát tế. Nhược hoàn nhập khẩu, khẩu diệc bất mãn. [Hai mươi bảy là “Đại Thiệt” tướng, lưỡi lớn của Bồ Tát khi le ra che trùm trọn cả mặt, cho đến mé tóc. Khi trở lại co vào miệng, miệng vẫn bình thường không choáng ngập trong miệng].

---o0o---

## 28/32 - Lòng Mi Xanh Biếc, Dày Và Thẳng

-Kinh văn : 世尊眼睫犹如薰牛王。紺青齐整不相杂I胼I。是二十八。

-Lời kinh : Thế Tôn nhãn tiệp do nhược ngưu vương, khám thanh tề chỉnh, bất tương nhiễm loạn. Thị vi nhị thập bát.

-Nghĩa kinh : Đôi chân mày trên đôi mắt của Thế Tôn, màu xanh biếc (sậm) lóng lánh, xếp lớp nằm nghiêng chỉnh tề không rối.

**-ĐTĐ:**

二十八者梵i声相。如梵i天王五7875?种U声从I口出u。其一湑深?如雷。二清彻远闻杜闻者悦瑟乐U。三入心敬爱。四谛了易解。五7875?听者无厌。菩才萨音o声亦如是。五7875?种U声从I口中出袂。迦陵毗伽声相。如迦陵毗伽鸟d声可爱。鼓声相。如大i鼓音oyO。É

Nhị thập bát giá, “Phạm Thinh” tương như Phạm Thiên Vương, ngũ chủng thanh tùng khẩu xuất, kỳ nhứt thâm như lôi. Nhị thanh triệt viễn văn văn giả duyệt lạc. Tam nhập tâm kính ái. Tứ đế liễu dị giải. Ngũ thánh giả vô yếm. Bồ Tát âm thanh diệc như thị, ngũ chủng thanh tùng khẩu trung xuất, ca-lăng-tỳ-già thanh tướng. Ca-lăng-tỳ-già điều thanh khả ái. Cổ thanh tướng, như đại cổ âm thanh tham viễn. [ Hai mươi tám là, tương của tiếng “ Phạm thinh”, như vua Phạm thiên từ miệng phát ra có năm thứ tiếng một lúc. Tiếng đó: -Một là, trầm sâu như sấm. -Hai là, thấu suốt xa nghe, nghe thời vui sướng. -Ba là, đem lòng kính ái. -Bốn là, hiểu rõ chắc thật. -Năm là, nghe không nhầm chán. Âm thanh (tiếng nói) của Bồ Tát cũng giống như vậy].

---o0o---

### **29/32 - Đôi Mắt Trong Xanh Ngời Sáng**

**-Kinh văn :** 世尊眼睛紺青鲜白。红环间饰?皎洁分U明。是二十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tình khám thanh tiền bạch, hồng bôi gian sức hào cật phân minh. Thị nhị thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** *Đôi tròng mắt của Thế Tôn, phần trắng trắng tươi, phần đen thì xanh đậm, trong xanh tươi trắng phân minh, chỗ giáp màu hơi ửng hồng. Là hai mươi chín.*

**-ĐTĐ:** 二十九者真?青眼相。如好青莲华。

Nhị thập cửu giả, chơn thanh nhãn tướng, như hảo thanh liên hoa. [ Hai mươi chín gọi là “Chơn Thanh Hảo Tướng” mắt đẹp Hoa Sen Xanh].

---o0o---

### 30/32 - Mặt Tròn Sáng Như Vàng Trăng Tròn

**-Kinh văn :**

世尊面?轮U其犹渊满月。眉相皎净如天帝弓。是第三十。Â

**-Lời kinh :** Thế Tôn diện luân kỳ do mãn nguyệt, mi tướng hào tịnh, như Thiên cung. Thị vi tam thập.

**-Nghĩa kinh :** Khuôn mặt của Thế Tôn, tròn sáng như trăng đầy, chân mày cong như cánh cung của trời Thiên Đê. Là thứ ba mươi.

**-ĐTĐ:** 三十者牛眼睫相。如牛王眼睫长好不乱?。

Tam thập giả, ngư nhân tiệp tướng, như ngư vương nhân tiệp trường hảo bất loạn. [Ba mươi là, lông mi thật dài, chân mi thẳng lông cong thật đẹp (Tợ như rèm lông ngư vương)].

---o0o---

### 31/32 - Tướng Bạch Ngọc Hào

**Kinh văn :**

世尊眉间有白毫相。右?行柔软如睹罗绵。鲜白光净逾?珂?雪等。是三十一。»

**-Lời kinh :** Thế Tôn mi gian hữu Bạch Hào tướng. Hữu truyền nhu nhuyễn như đồ-la-miên, tiền bạch quang tịnh du Kha-tuyết đẳng. Thị tam thập nhất.

**-Nghĩa kinh :** Khoảng giữa hai chân mày của Thế Tôn có tướng Bạch Hào. Núi lông trắng này xoay tròn về phía hữu, mềm mại như tơ đồ-la-miên (tơ cõi trời), tươi trắng sáng suốt như ngọc “Kha-tuyết”. Là ba mươi một.

---o0o---

### 32/32 - Khuôn Trán Như Ô-Sắc-Nị-Ca

**-Kinh văn :**

世尊顶上乌瑟膩沙高显负圆周懿。犹如天盖。是三十二。善?现U。是名三十二大i士相

**-Lời kinh :** Thế Tôn đánh thượng Ô-sắc-nị-ca (Urna-kesa) Phật cao hiện châu viên, do như thiên cái. Thị tam thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Giữa khoảng chót trán đến đỉnh đầu của Thế Tôn nổi lên một cục tròn gọi là Ô-sắc-nị-ca (Nhục kế) Nơi đây cũng là “Đánh Tướng” (tựa như thiên bảo cái). Đó là tướng thứ ba mươi hai.

**-ĐTD :**

三十二者白毛相。白毛眉间生不高不下。白净右᳚旋舒?长五7875?尺。相师言O。地天太子I三十大i人相如是

Tam thập nhị giả, bạch mao tướng, bạch mao mi gian sanh bất cao bất hạ. Bạch tịnh hữu truyền thư trường ngũ xích. Tướng sư ngôn : Địa thiên Thái Tử tam-thập-nhị đại nhơn tướng như thị. [Ba mươi hai là, tướng lông trắng, chùm lông trắng nhóm tròn giữa hai đầu chân mày, ngay bằng giữa không cao không thấp. Trắng ngần trong suốt xoay tròn về phía phải dài 5 thước. Các tướng sư nói : Trong cõi bao la, Thái Tử có đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại-nhân vậy ]. (\* Nói thước của thân trọng lục).

---o0o---

## KINH BÁT NHÃ NÓI VỀ 80 TÙY HÌNH HẢO

**Phạn-ngữ: Asity-anuvyanjanani.**

[Tất cả chữ (td) là thí dụ]i

(卷八十九) 大i智度论释四摄品欠第七十八之弋余圣者龙树菩嚙萨造

(Trích Luận Đại Trí Độ, Quyển 89, Phẩm Tứ Nhiếp thứ 78) Thánh giả Bồ Tát Long Thọ tạo luận.

后i秦龟兹国三藏鸠摩罗什译e

(Đời Hậu Tần, nước Qui Tư Ngai Tam Tạng Cưu-ma-la-thập, dịch từ Phạn ra Hán).

**-Kinh** **văn** :

善?现U。云ĩ᳚喝来应纒正等觉7869?八十随?好。善?现U。

**-Lời kinh** : Thiện Hiện, vân hà Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác bát thập tùy hảo, Thiện Hiện :

**-Nghĩa kinh** : *Này Thiện Hiện, như thế nào là, tám mươi tùy-hình hảo của bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác? - Thiện Hiện :*

---o0o---

### **1/80 : Tướng Móng Tay, Chân Màu Như Hoa Đồng Đỏ**

**-Kinh văn** : 世尊指爪狭长薄润𧇗。光洁鲜净如花赤铜。是为第一𧇗。

**-Lời Kinh** : Thế Tôn chỉ trảo giáp trường bạc nhuận, quang cát tiền tịnh, như hoa xích đồng. Thị vi đệ nhất.

**-Nghĩa kinh** : *Móng tay chân của Thế Tôn thon vót dài mà tươi nhuận, sáng láng trong sạch, óng ánh màu như hoa xích đồng (đồng đỏ). Đó là tùy hảo thứ nhất.*

**-ĐTĐL** : 无见顶𧇗 Vô kiến đảnh Tướng : [Người nhìn càng ngược lên càng cao không thấy được đảnh tướng sáng chói (Nhục kế) của Phật].

---o0o---

### **2/80 : Tướng Ngón Tay Chân Thon Dài Mềm Dịu**

**-Kinh** **văn** :

世尊手U足指圆覆纤长。[月庸鹿]直柔软节骨不现𧇗。是为第二。

**-Lời kinh** : Thế Tôn thủ túc chỉ viên tiêm trường. Dung trực nhu nhuyễn tiết cốt bất hiện. Thị vi đệ nhị.

**-Nghĩa kinh** : *Ngón tay chân của Thế Tôn, tròn nhọn thon dài (mềm mại) thuần thẳng, lông đốt không bày ra nét thô xấu. Đó là tùy hảo thứ hai.*

-ĐTD : 二者鼻直高好孔不现鬘。Tỷ trực cao hảo không bất hiện. [Mũi cao thẳng rất đẹp. Riêng lỗ mũi không hiện bày thấy lỗ hồng].

---o0o---

### 3/80 : Tướng Tốt Ngón Tay Chân Tròn Đầy Kín Không Hở

-Kinh văn :  
世尊手U足各等无差?。于诸yU间悉皆负充密。是为第三。<sup>a</sup>

-Lời kinh : Thế Tôn thủ túc các đấng vô sai, vu chư chỉ gian, giai tất sung mật. Thị vị đệ tam.

-Nghĩa kinh : Các ngón bàn tay chân của Thế Tôn, khi mở ra đều đầy đặn bằng phẳng, các khoảng kẽ giữa các ngón đầy kín không hở trống. Đó là tùy hảo thứ ba.

-ĐTD : 三者眉如初生月紺琉璃色。ÂTam giả, mi như sơ sanh nguyệt, khám lưu ly sắc. [Lông mày như trăng non, màu xanh trong như lưu ly].

---o0o---

### 4/80 : Tướng Tay Chân Tươi Đẹp Như Hoa Sen

-Kinh văn :世尊手U足圆满如意测。软净光泽i色如莲华。是为第四。<sup>a</sup>

-Lời kinh : Thế Tôn thủ túc viên mãn như ý, nhuyễn tịnh quang trạch sắc như liên hoa. Thị vị đệ tứ.

-Nghĩa kinh : Tay chân của Thế Tôn tròn mập đầy đặn vừa ý, mềm mại trong sáng, màu sắc tươi đẹp như hoa sen. Đó là tùy hảo thứ tư.

-ĐTD : 四者耳轮U埤(弭o)成。Tứ giả, nhĩ luân đoà thành. [Trái “Tai” xu dài xuống tròn trĩnh như giọt bầu dục].

---o0o---

### 5/80 : Tướng Gân Mạch Ẩn Kín

**-Kinh văn :** 世尊筋?脉u盘结坚固深?隐不现[] 。是为第五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn gân mạch bàn kết kiên cố thâm ẩn bất hiện. Thị vi đệ ngũ.

**-Nghĩa kinh :** *Gân mạch của Thế Tôn kết bằng cứng chắc, ẩn kín không hiện lộ ngoài mặt da. Đó là tùy hảo thứ năm.*

**-ĐTĐ :** 五7875?者身坚实如那罗延[]。Ngũ giả, thân kiên thật như na-la-diên.

[Thân thể của Thế Tôn bền chắc như na-la-diên. Hán dịch là “Kiên Cố” ].

---o0o---

### 6/80 : Tướng Mắt Cá Chân Không Nổi Cao

**-Kinh văn :** 世尊两踝俱7877?隐不现[] 。是为第六。<sup>a</sup>

**-Lời kinh :** Thế Tôn lưỡng khóa cu ẩn bất hiện. Thị vi đệ lục.

**-Nghĩa kinh :** *Hai đôi xương gò (hai mắt cá) của Thế Tôn, không nổi gò lên (ẩn ẩn không thô). Đó là tùy hảo thứ sáu.*

**-ĐTĐ :** 六者?骨际如钩锁。Lục giả, cốt tể như câu tỏa. [Các đầu khớp xương kết nhau như móc xích].

---o0o---

### 7/80 : Tướng Bước Đi Ung Dung Đều Đặn

**-Kinh văn :** 世尊行步直进庠監审[]如龙象[]王。是为第七[] 。

**-Lời kinh :** Thế Tôn hành bộ trực tấn tường thâm, như long tượng vương. Thị vi đệ thất.

**-Nghĩa kinh :** *Bước đi của Thế Tôn, từng bước đều và thẳng, ung dung đỉnh đạc (Dụ, như vua rồng, voi chúa). Đó là tùy hảo thứ bảy.*

-**ĐTD** : 七者身一昉时回如象i王。 Thất giả, thân nhưt thời hồi như tượng vương. [Khi xoay mình như voi chúa].

---o0o---

### **8/80 : Tướng Chân Đi Cách Mặt Đất Bốn Tấc**

-**Kinh văn** : 世尊行步威容齐肃如师子隔王。是为第八。

-**Lời kinh** : Thế Tôn hành bộ uy dung tề túc, như sư tử vương. Thị vi đệ bát.

-**Nghĩa kinh** : Bước đi của Thế Tôn, uy nghi nghiêm chỉnh, ngay thẳng vững vàng. Đó là thứ tám. [*Bước đi của Đấng Chí Tôn cách mặt đất bốn tấc, mà trên mặt đất vẫn hiện rõ ấn văn. (Dụ, như dáng đi của sư tử chúa).*]

-**ĐTD**: 八者行时足去地四寸而印文^现U。 Bát giả, hành thời túc khứ địa tứ thôn nhi ấn văn hiện. [Tám làø, bước đi của Phật cách mặt đất 4 tấc, mặt đất vẫn hiện ấn văn (tức là dấu thiên bức luân)].

---o0o---

### **9/80 : Chân Bước Thong Dong, Khoảng Cách Bằng Nhau**

-**Kinh văn** : 世尊行步安平庠序?不过不减犹如牛王。是为酖第九。

-**Lời kinh** : Thế Tôn hành bộ an bình tường tự bất quá bất giảm, do như ngưu vương. Thị vi đệ cửu.

-**Nghĩa kinh** : *Bước đi của Thế Tôn an bằng tường tự, không dài không ngắn, đỉnh đạc vừa vặn, tầm bước thong dong nhất định. Là thứ chín (Dụ ngưu vương bộ).*

-**ĐTD**: 九者?爪如赤O铜色薄而润泽。 Cửu giả, trảo như xích đồng sắc. [Màu sắc của móng tay chân như màu đồng đỏ].

---o0o---



### **10/80 : Tướng Từng Bước Chân Điềm Tĩnh Hòa Dịu**

**-Kinh văn :** 世尊行步进止仪骨雅犹如鹅王。是为酖第十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn hành bộ tấn chỉ nghi giả do như nga vương. Thị vi đệ thập.

**-Nghĩa kinh :** Từng bước chân đi tới của Thế Tôn nghi biểu hòa nhã, điềm tĩnh nhịp nhàng. Đó là thứ mười. (chững chạc như nga vương).

**-ĐTD:** 十者?膝骨坚着..圆好。Thập giả, tất cốt kiên trước viên haùo. [Xương đầu gối cứng chắc tròn đầy đẹp đẽ].

---o0o---

### **11/80 : Tướng Đối Hướng Bước Đi Đều Phía Phải**

**-Kinh văn :** 世尊回顾必皆O右ᄇ旋如龙象i王举身随?转。是第十一。 》

**-Lời kinh :** Thế Tôn hồi cố tất giai hữu truyền như long tượng vương cử thân tùy chuyển. Thị đệ thập nhất.

**-Nghĩa kinh :** Mỗi lần Thế Tôn xoay mình đối hướng, đều theo chiều tay mặt (cách tợ long tượng vương). Là thứ mười một.

**-ĐTD:** 十一者身净洁。 》Thập nhất giả, thân tịnh cát. [Thân thể Ngài trong sáng láng sạch. Là mười một].

---o0o---

### **12/80 : Tướng Các Lóng Đốt Đều Tròn**

**-Kinh văn :** 世尊支节渐次?[月\*庸箝圆妙?善?安布。是第十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn chi tiết tiệm thứ dung viên diệu thiện an bố. Thị đệ thập nhị.

*-Nghĩa kinh : Toàn thân cũng như chi tiết cơ thể của Thế Tôn thật tròn trặn mềm mại, cấu tạo và an bài vô cùng thiện xảo. Là hảo tướng mười hai.*

**-ĐTD:** 十二者身柔软。Thập nhị giả, thân nhu nhuyễn. [Mười hai là, thân thể mềm mại dịu dàng].

---o0o---

### **13/80 : Tướng Các Khớp Xương Kết Kít**

**-Kinh văn :** 世尊骨节交结无隙犹尤若o龙盘。是第十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn cốt tiết giao kết vô kích du như long ban. Thị vi thập tam.

*-Nghĩa kinh : Các khớp đầu lóng xương của Thế Tôn kết kít nhau dẻo chắc (như vấu rồng) . Là tùy hảo thứ mười ba.*

**-ĐTD:** 十三者身不曲。Thập tam giả, thân bất khúc. [Mười ba là, thân ngay thẳng, (không cong vẹo)].

---o0o---

### **14/80 : Tướng Đầu Gối Tròn Chắc**

**-Kinh văn :** 世尊膝轮U妙?善?安布坚固圆满。是第十四。<sup>2</sup>

**-Lời kinh :** Thế Tôn tất luân diệu thiện an bố kiên cố viên mãn. Thị đệ thập tứ.

*-Nghĩa kinh : Đầu gối chân của Thế Tôn tròn đầy cứng chắc, an bày khéo đẹp. Đó là mười bốn.*

**-ĐTD:** 十四者指长纤圆覆。Thập tứ giả, chỉ trường thiên viên. [Mười bốn là, các ngón tay tròn búp, đẹp và thon dài].

---o0o---

## 15/80 : Tướng Chỉ Văn Trong Đẹp

-Kinh

văn

:世尊隱处其[ ] 文妙?好。威勢?具足圓滿清淨。是第十五7875?。

-Lời kinh : Thế Tôn ẩn xứ kỳ văn diệu hảo. Uy thế cụ túc viên mãn thanh tịnh. Thị đệ thập ngũ.

-Nghĩa kinh : Các lần vạch đường văn ẩn kín trong thân của Thế Tôn, ẩn mà tốt đẹp, đầy đủ một uy thế viên mãn thanh tịnh. Là thứ mười lăm.

-ĐTD: 十五7875?者指文改庄严。Thập ngũ giả, chỉ văn trang nghiêm. [Mười lăm là, các đường chỉ văn đều rạng rỡ].

---o0o---

## 16/80 : Tướng Tinh Sạch Trần Cấu Không Dính

-Kinh văn : 世尊身支润[ ] 滑柔软。光悦鲜净尘垢不着。是第十六。Ã

-Lời kinh : Thế Tôn thân chi nhuận hoạt nhu nhuyễn, quang duyệt tiển tịnh, trần cấu bất trước. Thị đệ thập lục.

-Nghĩa kinh : Thân thể và tay chân của Thế Tôn đều mềm mại tươi nhuận, tươi sạch óng ánh, các trần cấu bụi bặm đều không bám dính vào được. Đó là mười sáu.

-ĐTD: 十六者脉u深?。Thập lục giả, mạch thâm. [Mười sáu là, mạch lặn trong sâu].

---o0o---

## 17/80 : Tướng Tôn Dung Đôn Túc

-Kinh văn : 世尊身容敦肃无畏薑常不怯l弱。是第十七。B

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân dung đôn túc vô úy thường bất khiếp nhược. Thị đệ thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Hình dáng của Thế Tôn luôn luôn an nhiên đôn túc, đức vô úy tràn đầy tỏa lui mọi khiếp nhược. Đó là mười bảy.

**-ĐTD:** 十七者踝不现遺。Thập thất giả, khóa bất hiện. [Mắt cá không hiện (gò)].

---o0o---

### **18/80 : Tướng Tươi Mát Hoàn Hảo**

**-Kinh văn :** 世尊身支坚固稠密善?相属o着。是第十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân chi kiên cố điều mật thiện tướng thuộc trước. Thị đệ thập bát.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể và các cơ chi của Thế Tôn là một thiện tướng toàn hảo, vừa rắn chắc, vừa mịn màng, láng mượt. Là hảo tướng mười tám.

**-ĐTD:** 十八者身润泽ĩ。Thập bát giả, thân nhuận trạch. [Mười tám là, thân thể tươi mát, mượt mà].

---o0o---

### **19/80 : Tướng An Định Vững Trụ**

**-Kinh văn :** 世尊身支安定敦重曾?不掉o动圆满无厠坏。是第十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân chi an định đôn trọng tăng bất trạo động viên mãn vô phôi. Thị đệ thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể tay chân của Thế Tôn an định vững trụ như thành vách, không xô xịch chao động, trọn đầy đức tướng trang nghiêm. Đó là mười chín.

**-ĐTD:** 十九者身自O持U不透O迤?. Thập cửu giả, thân tự trì bất uy di. [Mười chín là, thân tự duy trì không xiên xẹo].

---o0o---

### **20/80 : Tướng Sáng Suốt Đoan Nghiêm**

**-Kinh văn :** 世尊身相犹如仙王。周眷匝端严光净离翳需。是第二十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân tướng do như tiên vương. Châu tráp đoan nghiêm quang tịnh ly ế. Thị đệ nhị thập.

**-Nghĩa kinh :** Thân tướng của Thế Tôn như vua cõi tiên, quanh vòng chu thân đều trong sạch sáng suốt rời xa mọi sự che lấp. Là thứ hai mươi.

**-ĐTD:** 二十者身满足。 Nhị thập giả, thân mãn túc. [Hai mươi là, thân đầy đủ].

---o0o---

### **21/80 : Tướng Hào Quang Thường Rực Rỡ Bao Quanh**

**-Kinh văn :**  
世尊身有周熊匝圆脇光。于行等时恒7851?自O照曜。是二十一。 »

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân hữu châu tráp viên quang, vu hành đẳng thời hằng hữu chiếu diệu. Thị nhị thập nhất.

**-Nghĩa kinh :** Thân của Thế Tôn có vàng hào quang tròn sáng rực rỡ vây bọc chung quanh. Là hai mươi một.

**-ĐTD:** 二十一者识满足。 »Nhị thập nhất giả, thức mãn túc. [Hai mươi một là, biết đầy đủ].

---o0o---

### **22/80 : Tướng Bụng Hiện Ngấn Vuông**

**-Kinh văn :** 世尊腹形?方正无缺柔软不现鬘众相庄严。是二十二。 Ú

**-Lời kinh :** Thế Tôn phúc hình phương chánh vô khiếm nhu nhuỷên bất hiện chúng tướng trang nghiêm. Thị nhị thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Hình dáng chiếc bụng của Thế Tôn ngắn vuông và thẳng, không kém phần mềm mại, các vẻ khác không hiện. Đó là hai mươi hai.

**-ĐTD:** 二十二者容仪备足。ÇNhị thập nhị giả, dung nghi phần túc. [Hai mươi hai là, dung nghi đầy đủ].

---o0o---

### **23/80 : Tướng Rún Tròn Trong Sáng**

**-Kinh văn :** 世尊,脐深?右?旋圆妙?清净光泽?。是二十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tê thâm hữu truyền viên diệu thanh tịnh quang trạch. Thị nhị thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Rún của Thế Tôn sâu (có bờ viền) và tròn màu sáng trong xanh rất đẹp. Là hai mươi ba.

**-ĐTD:** 二十三者住处安无能动者。ĐNhị thập tam giả, trụ xứ an vô năng động giả. [Hai mươi ba là, trụ xứ yên không khởi động].

---o0o---

### **24/80 : Tướng Rún Tròn Đẹp**

**-Kinh văn :** 世尊,脐厚?不窳不凸周匝?好。是二十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tê hậu bất oa bất lỗi châu tráp diệu hảo. Thị nhị thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Rún của Thế Tôn, không lồi không lõm, (lõm là trẹt) có bờ tròn rất đẹp. Đó là thứ hai mươi bốn.

**-ĐTD:** 二十四者威震一切。»Nhị thập tứ giả, oai trấn như thế. [Hai mươi bốn là, oai đức trùm khắp tất cả].

---o0o---

### 25/80 : *Tướng Da Thịt Mịn Màng*

**-Kinh văn :**

世尊皮肤□ 远离疥癬。亦多无麻点疣赘等过。是二十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn bì phu viễn ly giới tiển, diệc vô ly điêm vuu chuế đấng quá. Thị nhị thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Các loại ghẻ chốc đều xa rời làn da mịn màng của Thế Tôn, dù chỉ là một điểm vẩy đen nhỏ. Là hai mươi lăm.

**-ĐTD:** 二十五7875?者一切乐籙观。Nhị thập ngũ giả, nhưt thiết lạc quan. [Hai mươi lăm là, tất cả chúng sanh thấy Phật đều vui mừng].

---o0o---

### 26/80 : *Tướng Tay Chân Đầy Đặn Mềm Mại*

**-Kinh văn :** 世尊手U掌?充满柔软足下安平。是二十六。½

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ trưởng sung mãn nhu nhuyễn, túc hạ an bình. Thị nhị thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Bàn tay của Thế Tôn, đầy đặn mềm mại, dưới chân có tướng an bình.

**-ĐTD:** 二十六者面?不大i长。Nhị thập lục giả, diện bất đại trường. [Hai mươi sáu là, mặt không quá dài, cũng không quá lớn (theo tỷ lệ thân)].

---o0o---

### 27/80 : *Tướng Chỉ Văn Sáng*

**-Kinh văn :** 世尊手U文深?长明直润眈泽i不断。是二十七。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ văn thâm trường minh trực nhuận trạch bất đoạn. Thị nhị thập thất.

*-Nghĩa kinh : Các đường văn trên đôi tay của Thế Tôn, sáng rõ, sâu thẳng và dài không đứt đoạn. Là hai mươi bảy.*

**-ĐTD:** 二十七者正容貌不挠鬻色。Nhị thập thất giả, chánh dung mạo bất náo sắc. [Hai mươi bảy là, dung mạo đều giữ nguyên chánh sắc, không thay đổi (khi hồng hào, khi tái bạch). Náo sắc].

---o0o---

### **28/80 : Tướng Môi Đỏ Như Sơn**

**-Kinh văn :** 世尊唇色光润丹晖。如频婆蹬果上下相称?。是二十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân sắc quang nhuận đơn huy như tần-bà quả, thượng hạ tương xứng. Thị nhị thập bát.

*-Nghĩa kinh : Vành môi của Thế Tôn tươi nhuận sáng rõ, đỏ tợ sơn, môi trên và dưới tương xứng, đỏ như trái tần-bà. Là hai mươi tám.*

**-ĐTD:** 二十八者面?具足满。Nhị thập bát giả, diện cụ túc mãn. [Hai mươi tám là, khuôn mặt đầy đủ những gì cần đầy đủ].

---o0o---

### **29/80 : Tướng Thế Lượng Cân Đối**

**-Kinh văn :** 世尊面?门不长不短。不大不小如量端严。是二十九。

**-Lời kinh :** Thế Tôn diện môn bất trường bất đoản, bất đại bất tiểu như lượng trang nghiêm. Thị nhị thập cửu.

*-Nghĩa kinh : Khuôn mặt của Thế Tôn không dài không ngắn, không lớn không nhỏ vừa vặn cân xứng với hình vóc, đoan nghiêm với thế lượng.*

**-ĐTD:** 二十九者唇赤如频婆蹬果色。Nhị thập cửu giả, thân xích như tần-bà quả sắc. [Hai mươi chín là, môi đỏ như màu đỏ của trái tần-bà].

---o0o---



### **30/80 : Tướng Lưỡi Rộng Lớn**

**-Kinh văn :** 世尊舌相软薄广长。如赤铜色。是第三十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thiết tướng nhuyễn bạc quảng trường, như xích đồng sắc. Thị vi tam thập.

**-Nghĩa kinh :** *Tướng lưỡi của Thế Tôn, đồ mỏng như màu đồng đỏ. Đó là ba mươi.*

**-ĐTD:** 三十者音○响深?。Tam-thập giả, âm hưởng thâm. [Tiếng và giọng của Thế Tôn vang sâu âm áp].

---o0o---

### **31/80 : Tướng Tiếng Vang Cùng Khắp**

**-Kinh văn :** 世尊发声威震深?远。如象吼王吼明朗清彻。是三十一。»

**-Lời kinh :** Thế Tôn phát thanh uy chấn thâm viễn, như tượng vương khổng minh lẫm thanh triệt. Thị tam thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** *Âm giọng tiếng nói của Thế Tôn phát ra uy mãnh chấn động vượt xa xa thăm !. Là ba mươi một. (lấy tiếng rống vang xa của tượng làm dụ).*

**-ĐTD:** 三十一者脐魂深?圆好。<sup>2</sup>Tam thập nhứt giả, tê thâm viên hảo. [Rồn sâu tròn đẹp].

---o0o---

### **32/80 : Tướng Âm Vang Xa Thẳm**

**-Kinh văn :** 世尊音○美妙?具足如深?谷响。是三十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn âm vận mỹ diệu cụ túc như thâm cốc hưởng. Thị tam thập nhị.

*-Nghĩa kinh : Âm vận của Thế Tôn phát ra nghe vang vọng sâu sâu như trong hang động và rất hay.*

**-ĐTD:** 音○ᵛ美如深?谷响 Âm vận mỹ như thâm cốc hưởng. [Tiếng và giọng rất hay nghe vang vang như trong hang sâu].

---o0o---

### **33/80 : Tướng Sống Mũi Cao, Lỗ Nhỏ**

**-Kinh văn :** 世尊鼻高修而且?直其变孔不现U。是三十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn tỷ cao tu nhi thả trực kỳ không bất hiện. Thị tam thập tam.

*-Nghĩa kinh : Sống mũi của Thế Tôn cao và thẳng, lỗ mũi kín không hiện thấy. Là tướng ba mươi ba.*

**-ĐTD:** 三十三者手U足满。 Tam thập tam giả, thủ túc mãn. [Tay chân tròn đầy].

---o0o---

### **34/80 : Tướng Răng Bằng Trong Sáng**

**-Kinh văn :** 世尊诸ᵛ齿方整鲜白。是三十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn chư xỉ phương chỉnh tiền bạch. Thị tam thập tứ.

*-Nghĩa kinh : Răng của Thế Tôn tươi trắng ngay thẳng vuông đẹp. Là ba mươi bốn.*

**-ĐTD:** 三十四者手U足如意。 âTam thập tứ giả, thủ túc như ý. [Ba mươi bốn là, tay chân đều như ý].

---o0o---

### **35/80 : Tướng Răng Trong Thơm Sạch**

**-Kinh văn :** 世尊诸y欣圆白光洁渐次?锋?利。是三十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn chư nha viên bạch quang khiết, tiệm thứ phong lợi. Thị tam thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Hàm răng của Thế Tôn trong sạch óng ánh, thơm sạch. Là ba mươi lăm.

**-ĐTD:** 三十五7875?者手U文明直谋。Tam thập ngũ giả, thủ văn minh trực. [Đường văn trong tay, sáng rõ ngay thẳng].

---o0o---

### **36/80 : Tướng Mắt Trong Xanh Sáng Rõ**

**-Kinh văn :** 世尊眼净青白分U明。是三十六。

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tịnh thanh bạch phân minh. Thị tam thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Đôi mắt của Thế Tôn trong suốt, xanh trắng rõ ràng. Là ba sáu.

**-ĐTD:** 三十六者手U文长。Tam thập lục giả, thủ văn trường [Ba mươi sáu là, các vân tay dài].

---o0o---

### **37/80 : Tướng Mắt Đẹp Như Hoa Sen**

**-Kinh văn :** 世尊眼相修广譬如青莲华叶, 甚可爱乐U。是三十七。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tướng tu quảng thí như thanh liên hoa diệp, thậm khả ái nhạo. Thị tam thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Tướng đôi mắt Đức Thế Tôn to rộng ví như hoa lá của sen xanh, nhìn ngắm thật rất ưa mến. Là ba mươi bảy.

**-ĐTĐ:** 三十七者手遺文不断。ĀTam thập thất giả, thủ văn bất đoạn. [Ba mươi bảy là, đường văn tay không có khoảng dứt].

---o0o---

### **38/80 : Tướng Lòng Mi Dài Mịn**

**-Kinh văn :** 世尊眼睫上下齐整稠密不白。是三十八。ě

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhãn tiệp thượng hạ tề chỉnh điều mật bất bạch. Thị tam thập bát.

**-Nghĩa kinh :** Hai hàng lông mi trên dưới của Thế Tôn lớp lang đều mật mịn và đen lánh. Là ba mươi tám.

**-ĐTĐ:** 三十八者一切恶斂心众生见者和悦谄。Tam thập bát giả, nhứt thiết ác tâm chúng sanh, kiến giả hòa duyệt. [Ba mươi tám là, tất cả chúng sanh nào có tâm xấu ác, khi nhìn thấy Phật tướng đều khởi tâm thuận hòa vui vẻ].

---o0o---

### **39/80 : Tướng Mày Dài Và Cong**

**-Kinh văn :** 世尊双眉长而不白致而细软。是三十九。Â

**-Lời kinh :** Thế Tôn song mi trường nhi bất bạch trí nhi tế nhuyễn. Thị tam thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** Đôi hàng lông mày của Thế Tôn, cong dài và lông lánh mềm mịn màng. Là ba mươi chín.

**-ĐTĐ:** 三十九者面?广姝。Tam thập cửu giả, diện quảng xu. [Ba mươi chín là, gương mặt rộng mịn, rất đẹp].

---o0o---

### **40/80 : Tướng Mày Biếc Tợ Lưu Ly**

**-Kinh văn :** 世尊双眉绮靡?顺次?紺琉璃色。是第四十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn song mi ý mị thuận thứ khám, lưu ly sắc. Thị đệ tứ thập.

**-Nghĩa kinh :** Đôi hàng lông mày của Thế Tôn xếp lớp mịn màng ánh lên màu sắc xanh sáng của lưu ly. Là thứ bốn mươi.

**-ĐTD:** 四十者面?净满如月。ÂTứ thập giả, diện tịnh mãn như nguyệt. [Bốn mươi là, mặt Ngài trong sáng đầy đặn sạch sẽ như trăng rằm].

---o0o---

### **41/80 : Tướng Đôi Mày Cong Tợ Trăng Non**

**-Kinh văn :** 世尊双眉高显O光润i形?如初月。是四十一禄。

**-Lời kinh :** Thế Tôn song mi cao hiển quang nhuận hình như sơ nguyệt. Thị tứ thập nhứt.

**-Nghĩa kinh :** Đôi mày của Thế Tôn, cao vút phát ánh quang tươi nhuận, giống như hình trăng non. (ở đầu tuần). Là bốn mươi một.

**-ĐTD:** 四十一者随?众生意 卩和悦与秒语。ĩTứ thập nhứt giả, tùy chúng sanh ý, hòa duyệt dĩ ngữ. [Bốn mươi một là, lời dạy bảo của Thế Tôn, rất hòa vui thuận ý của chúng sanh].

---o0o---

### **42/80 : Tướng Vành Tai Dài Rộng**

**-Kinh văn :** 世尊耳厚d广大i修长轮U垂成就。是四十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhĩ hậu quảng đại tu trường luân thùy thành tựu. Thị tứ thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Hai vành tai và trái tai của Thế Tôn, dày rộng tròn trịa và xử sà xuống (ngang cằm). Là bốn mươi hai.

**-ĐTD:** 四十二者毛孔出u香气。øTứ thập nhị giả, mao không xuất hương khí.

[Bốn mươi hai là, các lỗ chân lông đều tỏa ra mùi thơm].

---o0o---

### **43/80 : Tướng Hai Trái Tai Rủ Như (Giọt Ngọc)**

**-Kinh văn :** 世尊两耳绮丽u齐平虢离众过失。是四十三。Ú

**-Lời kinh :** Thế Tôn lưỡng nhĩ ý lệ tề bình, ly chúng quá thất. Thị tứ thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Hai trái tai của Thế Tôn thật cân bằng và diễm lệ, khác hẳn tất cả “Tai” của mọi chúng thường tình. Là bốn mươi ba.

**-ĐTD:** 四十三者口出u无上香。ĐTứ thập tam giả, Khẩu xuất “Vô thượng hương”. [Bốn mươi ba là, miệng Ngài tỏa mùi thơm tuyệt diệu].

---o0o---

### **44/80 : Tướng Tôn Duy Ái Kính**

**-Kinh văn :** 世尊容仪能令?见者无损无擗染皆O生爱敬。是四十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn dung nghi năng linh kiến giả vô tổn vô giảm giai sanh ái kính. Thị tứ thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Dung mạo và nghi biểu của Thế Tôn, khiến người có duyên được nhìn ngắm phát sinh lòng yêu kính, liền được đức “Vô tổn vô nhiễm”. Là bốn mươi bốn.

**-ĐTD:** 四十四者仪容如师子萎。Tứ thập tứ giả, nghi dung như sư tử. [Bốn mươi bốn là, dung nghi thật oai nghiêm đại hùng lực (Dụ như sư tử)].

---o0o---

### **45/80 : Tượng Vân Trán Cao Quý**

**-Kinh văn :** 世尊额?广圆满平步正形?相殊e2妙?。是四十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn ngạch quảng viên mãn, bình chánh hình tướng thù diệu. Thị tứ thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** *Vàng trán của Thế Tôn, rộng, tròn đầy, bằng thẳng, hình tướng thật là đặc thù màu nhiệm. Là bốn mươi lăm.*

**-ĐTD:** 四十五7875?者进止如象笮王。Tứ thập ngũ giả, tán chỉ như tượng vương.

[Bốn mươi lăm là, đi đứng oai nghiêm đỉnh đạc].

---o0o---

### **46/80 : Tượng Oai Nghiêm Vô Đối**

**-Kinh văn :** 世尊身分U上半圆满。如师子喻王威严无对鞞。是四十六。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân phần thượng bán viên mãn như sư tử vương oai nghiêm vô đối. Thị tứ thập lục.

**-Nghĩa kinh :** *Phần thân trên của Thế Tôn, đầy đặn nở nang, oai nghiêm không ai sánh (như sư tử vương). Là bốn sáu.*

**-ĐTD:** 四十六者行法如鹅王。Tứ thập lục giả, hành pháp như nga vương. [Bốn mươi sáu là, những bước đi đỉnh đạc, khoan thai (Dụ nga vương)].

---o0o---

### **47/80 : Tượng Tóc Xanh Biếc**

**-Kinh văn :** 世尊首发修长绀青稠密不白。是四十七。B

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát tu trường khảm thanh điều mật bất bạch. Thị tứ thập thất.

**-Nghĩa kinh :** *Đầu tóc của Thế Tôn, sợi dài, óng ánh màu xanh biên biếc, không pha sợi bạc nào. Là bốn mươi bảy.*

**-ĐTB:** 四十七者头如摩陀邈罗果。 Tứ thập thất giả, đầu như ma-đà-la quả.

[Bốn mươi bảy là, đầu như trái ma-đà-la (Madana là thực vật gọi là mạt-đạt-na. Dịch là túy quả. Lớn như trái dừa, ăn dễ làm cho say, một loại dược thảo)].

---o0o---

### **48/80 : Tướng Tóc Xoay Hướng Phải**

**-Kinh văn :** 世尊首发香洁细软润泽ᄇ旋转。是四十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát hương khiết tế nhuyễn nhuận trạch truyên chuyên .Thị tứ thập bát .

**-Nghĩa kinh :** *Tóc của Thế Tôn, mịn lóng lánh, xoáy quay về hướng phải. Là bốn mươi tám.*

**-ĐTB:** 四十八者一切声分籙具足。 Tứ thập bát giả, nhưt thiết thính phân cụ túc. [Bốn mươi tám là, tất cả bộ phận về “Thính” đều đầy đủ (Thính là tiếng / âm thính)].

---o0o---

### **49/80 : Tướng Tóc Không Rối Không Dính Bụi**

**-Kinh văn :** 世尊首发齐整无朕乱?亦不交杂ᄇ嗜是四十九。 𠄎

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát tề chỉnh vô loạn diệt bất giao tạp. Thị tứ thập cửu

**-Nghĩa kinh :** *Tóc trên đầu của Thế Tôn, bằng thẳng nhau, không rối, không dính nhiễm các vật từ ở ngoài. Là bốn mươi chín.*

**-ĐTB:** 四十九者牙利。 Tứ thập cửu giả, nha lợi. [Bốn mươi chín là, răng trong và sắc].



---o0o---

### **50/80 : Tướng Tóc Không Rơi Rụng**

**-Kinh văn :** 世尊首发坚固不断永无摧落。是第五7875?十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát kiên cố bất đoạn vĩnh vô đệ lạc. Thị đệ ngũ thập.

**-Nghĩa kinh :** Tóc của Thế Tôn rắn chắc, không đứt rời, không đổi màu và rơi rụng.

**-ĐTD:** 五7875?十者舌色赤。Ngũ thập giả, thiết sắc xích. [Năm mươi là, lưỡi màu hồng đỏ (chữ xích ở đây có nghĩa là đỏ hồng)].

---o0o---

### **51/80 : Tướng Tóc Sáng Lóng Lánh**

**-Kinh văn :** 世尊首发光滑殊妙?尘垢不着。是五7875?十一。 》

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ phát quang hoạt thù diệu trần cấu bất trước. Thị ngũ thập nhưt.

**-Nghĩa kinh :** Tóc trên đầu của Thế Tôn, sáng lánh và thật đặt biệt không bao giờ dính lên bụi bặm (trần cấu). Là năm mươi một.

**-ĐTD:** 五7875?十一者舌薄。 》Ngũ thập nhưt giả, thiết bạc. [Năm mươi một là, lưỡi mỏng và rộng ].

---o0o---

### **52/80 : Tướng Thân Na-La-Diên**

**-Kinh văn :** 世尊身分U坚固充实逾那罗延鉞。是五7875?十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân phần kiên cố sung thật du na-la-diên. Thị ngũ thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể của Thế Tôn thật đầy đủ tính kiên cố, như “na-la-diên”. Hán dịch là “kiên cố” thân. Là năm mươi hai.

**-ĐTĐ:** 五7875?十二者毛红色。Ngũ thập nhị giả, mao hồng sắc. [Năm mươi hai là, lông sắc hồng].

---o0o---

### **53/80 : Tướng Thân Thẳng Cao Lớn**

**-Kinh văn :** 世尊身体长大端直。是五7875?十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân thể trường đại đoan trực. Thị ngũ thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Thân thể của Thế Tôn, cao lớn, đoan nghiêm và ngay thẳng. Là năm mươi ba.

**-ĐTĐ:** 五7875?十三者毛洁净。Ngũ thập tam giả, mao cát tịnh. [Năm mươi ba là, lông đẹp mềm mại sạch sẽ].

---o0o---

### **54/80 : Tướng Các Khiếu Mạch Trong Sạch**

**-Kinh văn :** 世尊诸窍清净圆好。是五7875?十四。

**-Lời kinh :** Thế Tôn chư khiếu thanh tịnh viên hảo. Thị ngũ thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Các khiếu mạch của Thế Tôn tròn đẹp và trong sạch. Là năm mươi bốn.

**-ĐTĐ:** 五7875?十四者广长眼。Ngũ thập tứ giả, quang trường nhãn. [Năm mươi bốn là, đôi mắt rộng và dài].

---o0o---

### **55/80 : Tướng, Các Tướng Đều Là Thù Thắng**

**-Kinh văn :** 世尊身支势?力殊胜无与偁等者是五7875?十五7875?。

**-Lời kinh :** Thê Tôn thân chi thê lực thù thắng vô dũ đẳng giả. Thị ngũ thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** Thân thê và năng lực của Thê Tôn khác biệt hơn tất cả, không ai có so sánh. Là năm mươi lăm.

**-ĐTD:** 五7875?十五7875?者孔门相具足。Ngũ thập ngũ giả, khổng môn tướng cụ túc.

[Năm mươi lăm là, tướng môn của các lỗ (khiêu mạch) thông đều đầy đủ].

---o0o---

### **56/80 : Tướng Nhìn Không Nhàm Chán**

**-Kinh văn :** 世尊身相众所乐触观尝无厌足。是五7875?十六。

**-Lời kinh :** Thê Tôn thân tướng chúng sở nhạo quan thường vô yếm túc. Thị ngũ thập lục.

**-Nghĩa kinh :** Thân tướng của Thê Tôn, các cõi chúng nhân đều ưa nhìn ngắm, không hề muốn thôi. Là năm mươi sáu.

**-ĐTD:** 五7875?十六者手U足赤白如莲华色。Ngũ thập lục giả, thủ túc xích bạch, như liên hoa sắc. [Năm mươi sáu là, màu da hồng trắng của tay chân, như đóa hoa sen].

---o0o---

### **57/80 : Tướng Mặt Tọ Trống Tròn**

**-Kinh văn :** 世尊面?轮U修广得所皎洁光净如秋满月。是五7875?十七。β

**-Lời kinh :** Thê Tôn diện luân tu quảng đắc sở hiêu khiết quang tịnh như thu mãn nguyệt. Thị ngũ thập thất.

**-Nghĩa kinh :** Khuôn diện của Thê Tôn tròn chính chói sáng trong sạch, như trăng đầy mùa thu. Là năm mươi bảy.

-ĐTD: 五7875?十七者賚7849?不出u。 Ngũ thập thất giả, tê bất xuất.  
[Năm mười bảy là, rún (rón) không nhô (lồi) mà ẩn sâu].

---o0o---

### 58/80 : *Tướng Dung Nhan Sáng Rõ*

-Kinh văn :  
世尊颜貌舒?泰光显O。含笑先言O唯向?不背。是五7875?十八。

-Lời kinh : Thế Tôn nhan mạo thư thái quang hiển hàm tiếu tiên ngôn duy hướng bất bối. Thị ngũ thập bát.

-Nghĩa kinh : *Dung nhan, diện mạo của Thế Tôn, thư thái sáng tỏ, mỉm cười trước khi nói, âm vang khắp chỗ thuận ý chúng sanh. Là năm mười tám.*

-ĐTD: 五7875?十八者腹不现U。 Ngũ thập bát giả, phúc bất hiện. [Năm mười tám là, bụng thon].

---o0o---

### 59/80 : *Tướng Diện Mạo Tươi Vui*

-Kinh văn :  
世尊面?貌光泽ĩ纒7869?怡。远离犂董蹙青赤等过。是五7875?十九。

-Lời kinh : Thế Tôn diện mạo quang trạch hy di viễn ly tàn thích thanh xích đặng quá. Thị ngũ thập cửu.

-Nghĩa kinh : *Gương mặt của Thế Tôn, sáng rõ vui tươi, không tí vết nhăn nám, sắc tươi đẹp xanh hồng là hơn tất cả.*

-ĐTD: 五7875?十九者细腹。 Ngũ thập cửu giả, tế phúc. [Năm mười chín là, bụng nhỏ mịn].

---o0o---

### **60/80 : Tướng Mặt Da Trong Sạch Sáng Láng**

**-Kinh văn :** 世尊身皮清淨无垢常无臭穢。是第六十。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân bì thanh tịnh vô cấu thường vô xú uế. Thị đệ lục thập

**-Nghĩa kinh :** Mặt da trên thân của Thế Tôn, trong sạch sáng láng, không chút dơ uế. Là sáu mươi.

**-ĐTD:** 六十者身不倾动。Lục thập giả, thân bất khuynh động. [Sáu mươi là, thân không nghiêng lắc lay động].

---o0o---

### **61/80 : Các Sợi Lông Điều Tỏa Hương Thơm**

**-Kinh văn :**  
世尊所有诸毛忻孔中。常出如意微妙之香。是六十一。

**-Lời kinh :** Thế Tôn sở hữu chư mao không trung thường xuất như ý vi diệu chi hương. Thị lục thập nhất.

**-Nghĩa kinh :** Tất cả các gốc lỗ chân lông của Thế Tôn, thường tỏa ra mùi thơm vi diệu như ý. Là sáu mươi một.

**-ĐTD:** 六十一者身持籙重。Lục thập nhất giả, thân trì trọng. [Sáu mươi một là, thân vững tràm hùng].

---o0o---

### **62/80 : Tướng Diệu Hương Tỏa Thơm Từ Mặt**

**-Kinh văn :** 世尊面门常出最上殊胜之香。是六十二。®

**-Lời kinh :** Thế Tôn diện môn thường xuất tối thượng thù thắng chi hương. Thị lục thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Trên khuôn mặt của Thế Tôn luôn bay tỏa mùi hương tối thượng thù thắng. Là sáu mươi hai.

**-ĐTD:** 六十二者其身分録大i。Lục thập nhị giả, kỳ thân phần đại. [Sáu mươi hai là, vóc thân lớn].

---o0o---

### **63/80 : Tướng Đầu Tròn Đẹp**

**-Kinh văn :** 世尊首相周圆懿妙?好。如末达那亦犹囉天盖。是六十三。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ tướng châu viên diệu hảo như mặt-đạt-na diệt du thiên cái. Thị lục thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Tướng đầu của Thế Tôn, tròn đầy màu nhiệm khéo đẹp lạ thường. Là sáu mươi ba.

**-ĐTD:** 六十三者身长。Lục thập tam giả, thân trường. [Sáu mươi ba là, thân thể cao].

---o0o---

### **64/80 : Tướng Màu Lông Xanh Biếc**

**-Kinh văn :**

世尊身毛紺青光净。如孔雀项?。红晖绮饰?色类赤铜。是六十四

**-Lời kinh :** Thế Tôn thân mao khám thanh quang tịnh như không tước hạn hồng huy ý sức sắc loại xích đồng. Thị lục thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** Màu lông lông trên thân của Thế Tôn, xanh biên biếc, sạch sẽ lóng lánh ánh quang, như pha trộn nhiều sắc thể ánh hồng, đồng đỏ cùng trang sức (như cổ chim không tước [công]). Là sáu mươi bốn.

**-ĐTD:** 六十四者手U足净洁软泽ĩ。Lục thập tứ giả, thủ túc tịnh cát nhuyễn trạch. [Sáu mươi bốn là, tay chân trong sạch, tươi nhuận mềm mại].

---o0o---

### 65/80 : Pháp Âm Thế Tôn Xa Gần Đều Rõ

-Kinh văn :

世尊法音oĩư大藻小。不增ư不減应理无l 差?。是六十五7875?。

-Lời kinh : Thế Tôn pháp âm tùy chúng đại tiểu, bất tăng bất giảm ứng lý vô sai. Thị lục thập ngũ.

-Nghĩa kinh : Pháp âm của Thế Tôn, tùy theo chúng nhiều hay ít, không luận xa gần, ứng lý khéo cơ nghe không nhầm lẫn. Là sáu mươi lăm.

-ĐTD: 六十五7875?者边光各一丈。»Lục thập ngũ giả, biên quang các nhứt trượng. [Sáu mươi lăm là, xung quanh thân, ánh hào quang tỏa rộng một trượng].

---o0o---

### 66/80 : Đánh Tướng Mâu Nhiệm

-Kinh văn : 世尊顶相无能见者。是六十六。Đ

-Lời kinh : Thế Tôn đánh tướng vô năng kiến giả. Thị lục thập lục.

-Nghĩa kinh : Đánh tướng của Thế Tôn không thấy được. Là sáu mươi sáu. (phàm phu và hàng sơ quả càng cố ngược để mà nhìn thì “Đánh Tướng” càng cao và chỉ thấy chói sáng mà thôi).

-ĐTD: 六十六者光照身而行。Lục thập lục giả, quang chiếu thân nhi hành. [Sáu mươi sáu là, khi đi có hào quang tỏa sáng khắp châu thân].

---o0o---

## 67/80 : Tướng Móng Tay Chân Như Màu Đồng Đỏ

**-Kinh** **văn** :

世尊手U足指约讷分U明。庄严妙?好如赤铜色。是六十七。B

**-Lời kinh** : Thế Tôn thủ túc, chỉ ước phân minh, trang nghiêm diệu hảo, như xích đồng sắc. Thị lục thập thất.

**-Nghĩa kinh** : Móng tay chân của Thế Tôn sáng rõ, màu như màu đồng đỏ tuyệt hảo và trang nghiêm. Là sáu mươi bảy.

**-ĐTD**: 六十七者等视邈众生U. Lục thập thất giả, đẳng quán chúng sanh. [Sáu mươi bảy là, xem tất cả chúng sanh đều bình đẳng].

---o0o---

## 68/80 : Chân Tuy Cách Đất, Vẫn Hiện Ấn Văn

**-Kinh văn** : 世尊行时其足去地。如四指涓量而现U印文^。是六十八。

**-Lời kinh** : Thế Tôn hành thời kỳ túc khứ địa. Như tứ chỉ lượng nhi hiện ấn văn. Thị lục thập bát.

**-Nghĩa kinh** : Bước đi của Thế Tôn đều cách đất bốn tấc, mà vẫn hiện rõ ấn văn (ấn văn là hình thiên bức). Là sáu mươi tám.

**-ĐTD**: 六十八者不轻众生。ÚLục thập bát giả, bất khinh chúng sanh. [Sáu mươi tám là, quý trọng tất cả chúng sanh].

---o0o---

## 69/80 : Tướng Tự Trì và Tự Liệu

**-Kinh** **văn** :

世尊自O持U不待他卫。身无播倾动亦不透郎迤?。是六十九。

**-Lời kinh** : Thế Tôn tự trì bất đãi tha vệ, thân vô khuynh động, diệc bất yêu đà. Thị lục thập cửu.



*-Nghĩa kinh : Mỗi cử động Thế Tôn tự lo liệu không nhờ vào người khác, tuy vậy vẫn vững vàng không lay động, không xiên vẹo. Là sáu mươi chín.*

**-ĐTD:** 六十九者随?众生音○谏不过不减。ùLục thập cửu giả, tùy chúng sanh âm thanh, bất quá bất giảm. [Sáu mươi chín là, âm thanh vừa nghe cho chúng sanh, không to không nhỏ].

---o0o---

### **70/80 : Tướng Oai Đức Vô Lượng**

**-Kinh** văn :  
世尊威德远震一痘切。恶d心见喜恐U怖见安。是第七十。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn oai đức viễn chấn nhưt thế, ác tâm kiến hỷ, khủng bố kiến an. Thị đệ thất thập.

*-Nghĩa kinh : Oai đức của Thế Tôn viễn chấn khắp mọi nơi, kẻ ác tâm thấy lòng hoan hỷ, người lo sợ thấy lòng thường an. Là bảy mươi.*

**-ĐTD:** 七十者说法不差?。 Thất thập giả, thuyết pháp bất sai. [Bảy mươi là, thuyết pháp đều hợp chân lý].

---o0o---

### **71/80 : Tiếng Nói Của Phật Làm Hòa Duyệt Tất Cả**

**-Kinh** văn :  
世尊音○声不高不下。随?众生意β和悦与秒言○。是七十一味。

**-Lời kinh :** Thế Tôn âm thanh bất cao bất hạ. Tùy chúng sanh ý hòa duyệt dư ngôn. Thị thất thập nhưt.

*-Nghĩa kinh : Thanh âm của Thế Tôn luôn luôn hòa duyệt tùy theo tâm ý của chúng sanh. Là bảy mươi một.*

**-ĐTD:** 七十一味者随?众生语陞言○而为说法。ªThất thập nhưt giả, tùy chúng ngữ ngôn, nhi vi thuyết pháp. [Bảy mươi một là, tùy theo ngôn ngữ của chúng sanh mà nói pháp].

---o0o---

### 72/80 : Âm Ngữ Của Phật Đều An Lạc Tất Cả

**-Kinh văn :**  
世尊能随?诸<sub>y</sub>ĩ情类。言<sub>o</sub>音<sub>o</sub>᠊乐<sub>U</sub>而为说法。是七<sub>᠒</sub> 十二。

**-Lời kinh :** Thế Tôn năng tùy chư hữu tình loại, ngôn âm ý lạc, nhi vi thuyết pháp. Thập thất thập nhị.

**-Nghĩa kinh :** Những lời thuyết pháp của Thế Tôn, luôn thuận theo căn trí các loại hữu tình đem cho họ niềm an vui lợi lạc. Là bảy mươi hai.

**-ĐTD:** 七十二者一<sub>᠑</sub>呌发音<sub>o</sub>报众声。ÚThất thập nhị giả, nhưt phát báo chúng thính. [Bảy mươi hai là, mỗi khi phát âm, đều hợp âm thức với chúng sanh].

---o0o---

### 73/80 : Tùy Loại Chúng Sanh Nghe Pháp Đều Giải Thoát

**-Kinh văn :** 世尊一<sub>᠑</sub>音<sub>o</sub>恍说正法。随?有情类各令?得解。是七十三。᠖

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhưt âm diễn thuyết chánh pháp, tùy hữu tình loại, các linh đắc giải. Thập thất thập tam.

**-Nghĩa kinh :** Mỗi lời mỗi lời diễn nói của Thế Tôn đều y như chánh pháp, theo trình độ các loại khiến thấu hiểu rõ ràng. Là bảy mươi ba.

**-ĐTD:** 七十三者次?第有因<sub>i</sub>᠐说法。ĐThất thập tam giả, thứ đệ hữu nhân duyên thuyết pháp. [Bảy mươi ba là, tuần tự (quán cơ) hợp đủ nhân duyên mà nói pháp].

---o0o---

### 74/80 : Đức Tướng Thuyết Pháp Lời Lời Đều Toàn Thiện

**-Kinh văn :** 世尊说法咸依次?第。必有因<sub>i</sub>᠐言<sub>᠑</sub>蠲无不善?。是七十四。᠖

**-Lời kinh :** Thế Tôn thuyết pháp hàm y thứ đệ, tất hữu nhơn duyên, ngôn vô bất thiện. Thị vi thất thập tứ.

**-Nghĩa kinh :** *Lời thuyết pháp của Thế Tôn theo thứ lớp hợp cơ duyên của chúng sanh mà nói, tất cả lời đều toàn thiện. Là bảy mươi bốn.*

**-ĐTD:** 七十四者一昧切众生不能尽观相。ÚThất thập tứ giả, nhưt thiết chúng sanh bất năng tận quán tướng. [Bảy mươi bốn là, tất cả chúng sanh nhìn ngắm thân tướng của Phật, mà chẳng bao giờ nhìn ngắm cho cùng tận được].

---o0o---

### **75/80 : Đức Tướng Bình Đẳng Yêu Thương Chúng Sanh**

**-Kinh** **văn** **:**  
世尊等观诸有情类。赞善?毁恶d而无爱憎。是七十五7875?。

**-Lời kinh :** Thế Tôn đẳng quán chư hữu tình loại, tán thiện hủy ác nhi vô ái tăng. Thị thất thập ngũ.

**-Nghĩa kinh :** *Đức Thế Tôn quán thấy các loài hữu tình, ngợi khen người làm lành, quả trách người làm ác ! Nhưng tuyệt nhiên không hề mang lòng yêu ghét. Là bảy mươi lăm.*

**-ĐTD:** 七十五7875?者观者无厌足。PThất thập ngũ giả, quán giả vô yếm túc.

[Bảy mươi lăm là, nhìn ngắm không thấy nhàm chán].

---o0o---

### **76/80 : Tướng Phạm Hạnh Đầy Đủ**

**-Kinh văn :** 世尊所为先观后羯作。轨范具足令?识善?净。是七十六。B

**-Lời kinh :** Thế Tôn sở vi, tiên quán hậu tác, quỹ phạm cụ túc, linh thức thiện tịnh. Thị thất thập lục.

*-Nghĩa kinh : Đức Thế Tôn Ngài làm việc gì, quán xét trước, biết rõ đều thiện tịnh, đầy đủ qui tắc, sau đó mới làm. Là hạnh hảo bảy mươi sáu.*

**-ĐTD:** 七十六者发长好。βThất thập lục giả, “Phát Trường Hảo”. [Bảy mươi sáu là, tóc dài và xinh đẹp].

---o0o---

### **77/80 : Chúng Sanh Không Thể Thấy Cùng Tận Được Tướng Tốt**

**-Kinh văn :** 世尊相好一切有悦情无能观尽。是七捩十七。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn tướng hảo nhưt thiết hữu tình vô năng quán tận. Thị thất thập thất.

*-Nghĩa kinh : Tướng hảo của Thế Tôn, tất cả loài hữu tình dù quán xét thế nào, cũng không sao biết hết được. Đó là bảy mươi bảy.*

**-ĐTD:** 七十七者发不乱?。 Thất thập thất giả, phát bất loạn. [Bảy mươi bảy là, tóc không bao giờ rời].

---o0o---

### **78/80 : Tướng Xương Trán Tròn, Tóc Xoắn Tròn**

**-Kinh văn :** 世尊顶骨坚实圆满。是七策十八。

**-Lời kinh :** Thế Tôn đánh cốt kiên thật viên mãn. Thị vi thất thập bát.

*-Nghĩa kinh : Xương đánh cốt của Thế Tôn cứng chắc tròn đầy. Là bảy mươi tám.*

**-ĐTD:** 七十八者发旋好。βThất thập bát giả, phát truyền hảo tướng. [Bảy mươi tám là, tóc xoắn rất đẹp].

---o0o---

## 79/80 : Màu Tóc Đẹp Như Ngọc Thanh Châu

**-Kinh văn:** 世尊颜容常少不老好巡处。是七十九。β

**-Lời kinh :** Thế Tôn nhan dung thường thiếu bất lão hảo tuần. Thị vi thất thập cửu.

**-Nghĩa kinh :** *Dung nhan của Thế Tôn hằng thường, không tỏ hiện ra nét lão của sự già nua, dù tuổi Ngài đã cao. Đó là hảo tướng bảy mươi chín.*

**-ĐTĐ:** 七十九者发色好如青珠唛。 Thất thập cửu giả, phát sắc hảo như thanh châu. [Bảy mươi chín là, màu tóc mượt và xanh đẹp như ngọc “Thanh-châu”. (Ngọc thanh châu màu xanh biếc)].

---o0o---

## 80/80 : Tay Chân Hồng Ngực Đều Đủ Đức Tướng Cát Tường

**-Kinh văn :**

世尊手U足及胸臆前。俱7877?有吉祥喜旋德相。文心同绮画色类朱丹。是第八十。善?现U。是名八十随?好。

**-Lời kinh :** Thế Tôn thủ túc cập hung ức tiền, cu hữu caùc tường hỷ truyền đức tướng, văn đồng ý hoạch sắc loại châu đơn. Thị vi bát thập tùy hảo.

**-Nghĩa kinh :** *Tay chân và hông ngực phía trước của Đức Thế Tôn, có đầy đủ đức tướng cát tường, màu sắc mịn màng tươi tắn hồng haøo. Đó là tùy hảo tám mươi.*

*Thiện Hiện, Như Lai bậc Ứng Chánh Đẳng Giác, thành tựu tất cả hảo tướng, hào quang chung quanh thân Phật, chiếu soi ba ngàn thế giới lớn, không nơi nào là không cùng khắp...*

**-ĐTĐL :**

八十者手U足有德相。须菩行提。是八十随?形?好。佛身成就如是。须菩提。菩行萨摩诃萨以○二施摄取众生。所谓谄财?施法施。 ...

Bát thập giả thủ túc hữu đức tướng, Tu Bồ Đề, thị bát thập tùy hình hảo, Phật thân thành tựu như thị. Tu Bồ Đề, Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ nhị thí nhiếp thủ chúng sanh, sở vị tài thí pháp thí ... [Tám mươi là, cả tay chân cũng có đức tướng của nó, này Tu Bồ Đề, đó là “tám mươi, tùy hình hảo”. Thân Phật thành tựu như vậy đó. Tu Bồ Đề, bậc Bồ Tát lớn thực thi “Hai Pháp Thí” để nhiếp độ cho chúng sanh, thành được Phật đạo. Hai pháp thí đó là : Tài-thí và Pháp-thí vậy]...

---o0o---

### DO NHÂN HẠNH GÌ MÀ CÓ CÁC TƯỚNG HẢO ?

Nói về công hạnh độ sanh của Chư Phật, Bồ Tát. Tất cả hạnh trọng yếu trong việc tu nhơn thì “Bố Thí Độ” coi như là được Đức Phật tán thán là hơn cả. Ngay như, do nhân duyên gì mà được 32 tướng tốt?

- Đức Từ Phụ dạy : Tâm bố thí mà kiên định, thành kính hướng về tha nhân, không đợi chờ họ nói ra lời những gì họ mong muốn được bố thí. Người phát tâm phải xét đoán biết ý cầu mong của họ và mở hết lòng rộng lớn thương kính cần cầu cung cấp cho người, không một mảy may trước tâm. Bố thí như vậy, thì người đó vì, do tâm kiên định nên được thiện báo : Tay chân mềm mại, tướng hảo đoan nghiêm, tay dài tới gối, chân có luân tướng, mắt sáng rạng trong v.v... và đầy đủ các tướng hảo.

Tóm lại, tướng hảo không phải mục đích mong cầu của sự tu hành, điều chính thật là “Thoát ly sanh tử luân hồi”. Nhưng vì tâm nguyện cứu độ chúng sanh quá lớn nên có thiện quả về hảo tướng thể thôi. Tuy nhiên, cung kính, đánh lễ, tán thán Tướng tốt của Phật cũng là một thiện quả không nhỏ đối với các công hạnh tu nhơn của người Phật-tử trên bước đường tu trì vậy.

**Ngày lễ mừng, nhớ về 48 Đại nguyện Đức Từ Phụ A Di Đà Phật.**

Nhâm-Ngọ, 17.11. Âm-Lịch . VL. 4882.

(Muốn nghiên cứu thêm xin xem – Kinh Tạp A Hàm Q-4; Vô Thượng Y Q-hạ phẩm Như Lai Công Đức; Kinh Quán Phật Tam Muội Hải Q1; và Tứ Phần Luật Q- 51).

Nam Mô Như Lai Cự Túc Tam Thập Nhị Tướng Bát Thập Chủng Hảo Thích  
Ca Mâu Ni Phật Thế Tôn Tam Bái.

---o0o---

Hết